

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

Số: *422* /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Yên, ngày *22* tháng *3* năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số tỉnh Phú Yên
thuộc Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-TTg ngày 30/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 1236/QĐ-BTNMT ngày 30/5/2016 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, vay vốn Ngân hàng Thế giới; số 1141/QĐ-BTNMT ngày 20/5/2020 về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” (Dự án VILG); số 1189/QĐ-BTNMT ngày 28/5/2020 về việc điều chỉnh kế hoạch tổng thể Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, Kế hoạch thực hiện năm 2020 và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu năm 2020 phần nhiệm vụ do Trung ương thực hiện;

Căn cứ các Công văn của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 1256/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 19/3/2019 về việc điều chỉnh kế hoạch tổng thể và xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2019 dự án; số 3430/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 26/6/2020 về việc tổ chức thực hiện Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tại địa phương;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 2096/QĐ-BTNMT ngày 01/9/2016 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, thực hiện tại tỉnh Phú Yên, vay vốn Ngân hàng Thế giới; số 1189/QĐ-UBND ngày 07/8/2019 về việc phê duyệt Điều

chỉnh kế hoạch tổng thể thực hiện, kế hoạch thực hiện năm 2019 Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” (Dự án VILG) thực hiện tại tỉnh Phú Yên;

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị UBND tỉnh thường kỳ tháng 02 năm 2021 số 05/NQ-UBND ngày 17/3/2021 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường (tại Tờ trình số 26/TTr-STNMT ngày 04/02/2021), kèm theo hồ sơ liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số tỉnh Phú Yên thuộc Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Phú Yên” (kèm theo Kế hoạch); gồm các nội dung chính như sau:

- Tổng quan dự án.
- Tóm tắt đánh giá xã hội.
- Kết quả tham vấn cộng đồng.
- Kế hoạch triển khai các hoạt động.
- Tổ chức thực hiện.
- Phổ biến Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số.
- Cơ chế giải quyết khiếu nại.
- Kinh phí dự kiến.
- Tổ chức giám sát, đánh giá.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Sơn Hòa, Sông Hinh, Đồng Xuân, Tây Hòa, Phú Hòa, Tuy An và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành. / . h

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT. HĐND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- UBND các tx, tp: Đông Hòa, Sông Cầu, Tuy Hòa;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTTT, KT, Phg, Cg21.02.17.02

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Thị Nguyên Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

**“Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”
(VILG)**

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của UBND tỉnh Phú Yên)*

CÁC TỪ VIẾT TẮT

CSDL	Cơ sở dữ liệu
DTTS	Dân tộc thiểu số
EMDP	Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số
MPLIS	Hệ thống thông tin đất đai quốc gia đa mục tiêu
PTNT	Phát triển nông thôn
TCQLĐĐ	Tổng cục Quản lý đất đai
TNMT	Tài nguyên và Môi trường
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân
VILG	Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”
VPĐKĐĐ	Văn phòng Đăng ký đất đai

MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT	2
MỤC LỤC	3
I. TỔNG QUAN DỰ ÁN	4
1.1. Khái quát về Dự án.....	4
1.2. Nội dung dự án	4
II. TÓM TẮT ĐÁNH GIÁ XÃ HỘI.....	5
2.1 Phạm vi, khu vực DTTS sinh sống trong khu vực triển khai dự án.....	5
2.2. Đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội của DTTS trong vùng dự án	6
2.3. Công tác cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho đồng bào DTTS	11
2.4. Đánh giá tác động khi triển khai thực hiện dự án	12
2.5. Khung chính sách và cơ sở pháp lý	13
III. KẾT QUẢ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG	15
3.1. Kết quả các phát hiện chính từ tham vấn về xã hội	15
3.2. Khung tham vấn và phương pháp tham vấn cộng đồng	16
IV. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG	16
V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	23
VI. PHỔ BIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ.....	24
6.1. Công khai Kế hoạch DTTS	24
6.2. Đảm bảo sự tham gia Kế hoạch DTTS.....	24
VII. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	25
VIII. KINH PHÍ DỰ KIẾN.....	25
IX. TỔ CHỨC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ	27
BẢNG 1: TIÊU CHÍ THỰC HIỆN GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ.....	28
PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH THAM DỰ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG	29
PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH THAM DỰ THAM VẤN CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC QUẢN LÝ/CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ.....	31

I. TỔNG QUAN DỰ ÁN

1.1. *Khái quát về Dự án*

Mục tiêu của Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” (viết tắt VILG) là nhằm phát triển, vận hành một hệ thống thông tin đất đai quốc gia đa mục tiêu nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của Chính phủ, doanh nghiệp và người dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả và minh bạch của công tác quản lý đất đai tại địa bàn thực hiện dự án thông qua việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, ở cả cấp quốc gia và các địa phương.

Mục tiêu cụ thể của dự án:

- Phát triển và vận hành Hệ thống thông tin đất đai đa mục đích để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân.
- Phát triển, vận hành một hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của địa phương, doanh nghiệp và người dân.
- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả và minh bạch của công tác quản lý đất đai tại địa bàn thực hiện dự án thông qua việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai.
- Hoàn thiện và vận hành CSDL đất đai của địa phương (dữ liệu địa chính, dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, dữ liệu giá đất, dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai) phục vụ công tác quản lý đất đai, cung cấp dịch vụ công về đất đai, kết nối với Trung ương và chia sẻ thông tin đất đai với các ngành có liên quan (thuế, công chứng, ngân hàng,...).
- Hoàn thiện việc cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai thông qua việc hiện đại hóa các VPĐKĐĐ từ việc cải tiến quy trình, tiêu chuẩn dịch vụ tới việc trang bị thiết bị đầu - cuối của các VPĐKĐĐ và đào tạo cán bộ.
- Nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng đối với Dự án; đặc biệt là đối với công tác xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống thông tin đất đai; hệ thống theo dõi, đánh giá quản lý và sử dụng đất đai.

1.2. *Nội dung dự án*

Dự án sẽ bao gồm 3 hợp phần như sau:

Hợp phần 1: Tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ đất đai

Hợp phần này sẽ hỗ trợ: (i) Hiện đại hóa và tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai, (ii) Đào tạo, truyền thông và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số; (iii) Thiết lập và thực hiện Hệ thống theo dõi và đánh giá việc quản lý và sử dụng đất.

Hợp phần này sẽ hỗ trợ nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ đất đai thông qua việc hoàn thiện quy trình và tiêu chuẩn dịch vụ, cải tạo cơ sở vật chất, nâng cao năng lực của các cán bộ VPĐKĐĐ ở các huyện dự án. Hợp phần này sẽ hỗ trợ việc thống nhất các tiêu chuẩn nghiệp vụ và cơ sở vật chất của VPĐKĐĐ và chi nhánh VPĐKĐĐ, đồng thời tăng cường sự tham gia của người dân, khu vực tư nhân và các bên liên quan khác thông qua các chiến dịch truyền thông và nâng cao nhận thức. Các hoạt động của hợp phần này sẽ tạo điều kiện để triển khai các hoạt động kỹ thuật trong khuôn khổ Hợp phần 2 của dự án. Ngoài ra, Hợp phần này cũng sẽ giúp theo dõi việc thực hiện quản lý sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và dần đáp ứng các nhu cầu của nền kinh tế, xã hội trong hiện tại và trong tương lai về khả năng tiếp cận tốt hơn với các thông tin và dịch vụ thông tin đất đai.

Hợp phần 2: Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và triển khai hệ thống thông tin đất đai quốc gia đa mục tiêu (MPLIS)

Hợp phần này hỗ trợ cho: (i) phát triển một mô hình hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu, tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn quốc; thiết lập hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm để quản trị và vận hành hệ thống cho cả nước; (ii) Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia với 04 thành phần là: (ii.1) thông tin địa chính; (ii.2) quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; (ii.3) giá đất và (ii.4) thông kê, kiểm kê đất đai; (iii) phát triển Cổng thông tin đất đai, dịch vụ công điện tử trong lĩnh vực đất đai và chia sẻ, liên thông dữ liệu với các ngành, lĩnh vực khác dựa trên Khung kiến trúc Chính phủ điện tử được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành nhằm tăng cường sự tham gia của người dân đối với hệ thống MPLIS.

Hợp phần 3: Hỗ trợ quản lý dự án

Hợp phần này sẽ: (i) hỗ trợ quản lý dự án, (ii) hỗ trợ theo dõi và đánh giá dự án.

- **Tên dự án:** “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”,

Tiếng Anh “Vietnam - Improved Land Governance and Database Project”, Tên viết tắt: VILG

- **Tên nhà tài trợ:** Ngân hàng Thế giới.

- **Cơ quan chủ quản đề xuất dự án:** Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- **Cơ quan chủ quản tham gia dự án:** Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

- **Chủ dự án:**

+ Chủ dự án đề xuất dự án: Tổng cục Quản lý đất đai (TCQLĐĐ), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TNMT).

+ Chủ dự án đối với địa bàn được đầu tư xây dựng CSDL đất đai: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên.

- **Thời gian thực hiện dự án:** Từ năm 2017 đến năm 2022.

- **Địa điểm triển khai dự án:** Dự kiến dự án sẽ được triển khai tại 06 huyện của tỉnh Phú Yên, gồm: huyện Sơn Hòa, huyện Sông Hinh, huyện Đồng Xuân, huyện Tây Hòa, huyện Phú Hòa, huyện Tuy An.

II. TÓM TẮT ĐÁNH GIÁ XÃ HỘI

Ban Quản lý dự án tỉnh (PPMU) sẽ tiến hành một đánh giá xã hội để thu thập dữ liệu và thông tin về các cộng đồng dân tộc thiểu số trong khu vực dự án.

2.1 Phạm vi, khu vực DTTS sinh sống trong khu vực triển khai dự án:

Các huyện có người dân tộc thiểu số sinh sống tại tỉnh Phú Yên như bảng dưới đây:

Số TT	Huyện	Số hộ	Số khẩu	Trong đó: Chia theo từng dân tộc											
				Ê Đê		Chăm		Ba Na		Tày		Nùng		Dân tộc khác	
				Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG	14.207	60.070	5.221	24.367	5.701	22.960	1.218	4.904	785	2.938	653	2.429	629	2.472
1	HUYỆN SƠN HÒA	5.218	22.514	1.566	7.418	3.263	13.545	309	1.250	34	130	3	5	43	166
2	HUYỆN SÔNG HINH	5.854	25.519	3.641	16.916	102	430	247	1.035	681	2.548	636	2.382	547	2.208
3	HUYỆN ĐÔNG XUÂN	2.834	11.031	0	0	2.202	8.545	632	2.486	0	0	0	0	0	0
4	HUYỆN TÂY HOÀ	147	526	13	30	1	1	30	133	60	239	14	42	29	81
5	HUYỆN PHÚ HOÀ	147	467	-	-	132	436	0	0	9	18	0	0	6	13
6	HUYỆN TUY AN	7	13	1	3	1	3	0	0	1	3	0	0	4	4

Nguồn: Ban dân tộc tỉnh Phú Yên năm 2019

2.2 Đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội của DTTS trong vùng dự án

Tính đến thời điểm tháng 9/2019, tỉnh Phú Yên có 31 cộng đồng các dân tộc anh em sinh sống, trong đó có 30 dân tộc thiểu số với 60.070 người, chiếm khoảng 6,7% dân số toàn tỉnh, (chủ yếu là dân tộc Ê đê: 24.367 người, chiếm 38,66%; Chăm: 22.960 người, chiếm 36,68%; Ba Na: 4.904 người, chiếm 7,76%; Tày: 2.938 người, chiếm 4,46%; Nùng: 2.429 người, chiếm 3,72%; và các dân tộc khác 2.472 người chiếm 8,72%). Mỗi dân tộc có sắc thái văn hoá riêng, góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú của nền văn hoá tỉnh Phú Yên. Đặc thù của một số dân tộc như sau:

2.2.1. Dân tộc Ê đê:

Quan hệ xã hội: Gia đình Ê Đê là gia đình mẫu hệ, hôn nhân cư trú phía nhà vợ, con mang họ mẹ, con gái út là người thừa kế. Xã hội Ê Đê vận hành theo tập quán pháp truyền của tổ chức gia đình mẫu hệ. Cả cộng đồng được chia làm hai hệ dòng để thực hiện hôn nhân trao đổi. Làng gọi là buôn và là đơn vị cư trú cơ bản, cũng là tổ chức xã hội duy nhất. Người trong một buôn thuộc về nhiều chi họ của cả hai hệ dòng nhưng vẫn có một chi họ là hạt nhân. Đứng đầu mỗi làng có một người được gọi là chủ bến nước (Pô pin ca) thay mặt vợ điều hành mọi hoạt động của cộng đồng.

Hoạt động sản xuất: Người Ê Đê chủ yếu trồng lúa rẫy theo chế độ luân khoảnh. Rẫy sau một thời gian canh tác thì bỏ hoá cho rừng tái sinh rồi mới trở lại phát, đốt. Đa số đồng bào Ê Đê hiện nay sống canh tác chủ yếu nhờ cây mía, cây sắn mì. Gia súc được nuôi chủ yếu là lợn và bò, gia cầm được nuôi nhiều là gà, nhưng chăn nuôi chủ yếu chỉ để phục vụ cho tín ngưỡng hoặc bán, đổi. Nghề thủ công gia đình phổ biến có nghề đan lát mây tre làm đồ gia dụng, một số ít làm nghề trồng bông dệt vải bằng khung dệt kiểu cổ xưa.

Phong tục, tập quán và tín ngưỡng truyền thống: người Ê Đê ở Phú Yên theo tín ngưỡng đa thần. Hệ thống thần linh theo quan niệm của họ rất đa dạng và hiện hữu trong mọi sự vật, hiện tượng. Vì vậy, trong quá trình sinh sống và lao động sản xuất, người Ê Đê

nơi đây tiến hành các lễ nghi nông nghiệp theo vòng cây trồng, cũng như các nghi lễ theo vòng đời người để cầu mong sức khỏe và tuổi thọ. Các nghi lễ vòng đời gồm có: lễ cúng đặt tên, lễ cúng thôi tai, lễ cúng trưởng thành, lễ hỏi chồng, lễ bắt chồng, lễ tiễn đưa, lễ bỏ mả...

Ăn: Người Ê Đê ăn cơm tẻ bằng cách nấu trong nồi đất nung hay nồi đồng cỡ lớn. Thức ăn có muối ớt, măng, rau, củ, cá, thịt, chim thú. Thức uống có rượu cần ủ trong các vỏ sành. Xôi nếp chỉ dùng trong dịp cúng thần.

Mặc: Trang phục truyền thống là phụ nữ quấn váy tấm dài đến gót, mùa hè thì ở trần hay mặc áo ngắn chui đầu. Nam giới thì đóng khố, mặc áo cánh ngắn chui đầu. Mùa lạnh, nam nữ thường choàng thêm một tấm mền. Đồ trang sức có chuỗi hạt, vòng đồng, vòng kèn đeo ở cổ và tay, chân. Nam nữ đều có tục cạo răng-căng tai và nhuộm đen răng. Đội đầu có khăn, nón.

Ở: Ngôi nhà truyền thống của người Ê Đê là nhà sàn dài, vật liệu chủ yếu gỗ, tre, nứa và tranh lợp, kiến trúc mô phỏng hình thuyền với 2 đặc trưng cơ bản là: hai vách dọc dựng thượng thách - hạ thu; hai đầu mái nhô ra. Nhà chỉ có hai hàng cột ngang, kết cấu theo vì cột, không kết cấu theo vì kèo. Không gian nội thất chia ra làm hai phần theo chiều dọc. Phần đầu gọi là Gah, vừa là phòng khách, vừa là nơi sinh hoạt cộng đồng của cả đại gia đình mẫu hệ. Phần cuối gọi là ôk, dành cho các cặp hôn nhân ở trong từng buồng có vách ngăn bằng phen nứa.

Văn nghệ: Có hình thức kể khan rất hấp dẫn. Về văn chương, khan là sử thi, trường ca cổ xưa; về hình thức biểu diễn là loại ngâm kể kèm theo một số động tác để truyền cảm. Về dân ca có hát đối đáp, hát đố, hát kể gia phả... Nền âm nhạc Ê Đê nổi tiếng ở bộ công chiêng gồm 6 chiêng bằng, 3 chiêng nôm, một chiêng giữ nhịp và một trống cái mặt da. Không có một lễ hội nào, một sinh hoạt văn hoá nào của cộng đồng lại có thể vắng mặt tiếng công chiêng. Bên cạnh công chiêng là các loại nhạc cụ bằng tre nứa, vỏ bầu khô như các dân tộc khác.

Về ngôn ngữ giao tiếp: Tiếng nói của người Ê Đê thuộc nhóm ngôn ngữ Malayô-Pôlinêxia (ngữ hệ Nam Đảo), hiện nay đa số người dân tộc Ê Đê Phú Yên đều nghe, hiểu và nói được tiếng phổ thông (Tiếng Việt), nên việc triển khai Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số là khá thuận lợi.

2.2.2. Dân tộc Chăm

Quan hệ xã hội: Gia đình người Chăm mang truyền thống mẫu hệ, những tập quán mẫu hệ vẫn tồn tại khá đậm nét trong quan hệ gia đình, dòng họ của người Chăm với việc thờ cúng tổ tiên. Hôn nhân cư trú phía nhà vợ, con sinh ra đều theo họ mẹ. Sính lễ do nhà gái lo liệu. Gia đình một vợ một chồng là nguyên tắc trong hôn nhân.

Hoạt động sản xuất: Người Chăm có truyền thống nông nghiệp ruộng nước, làm thủy lợi, làm vườn trồng cây ăn trái. Ngoài ra, đồng bào Chăm còn có các sản phẩm nghề truyền thống đặc trưng như dệt thổ cẩm, sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Đại đa số bộ phận đồng bào người Chăm tại Phú Yên hiện nay sinh sống chủ yếu bằng sản xuất nông nghiệp gắn với trồng mía, sản mì và nuôi bò, một số ít buôn bán nhỏ.

Phong tục, tập quán và tín ngưỡng truyền thống: Người Chăm luôn tự hào về những ngôi tháp Chăm-pa cổ kính xây dựng bằng đất nung đục đáo (Tại Phú Yên có Tháp Nhạn), người Chăm có nhiều lễ hội trong năm, như hội Rija, Roya, Ramadan, lễ Pòk Bãng Yang, lễ Katê... Trong đó, lễ hội Katê là một trong những lễ hội lớn nhất của người Chăm. Lễ hội Katê có ý nghĩa kính nhớ ông bà tổ tiên, những người đã khuất, tưởng nhớ đến các vị anh hùng dân tộc (được người Chăm suy tôn thành thần) như Pô Rô mê và Pô Klong Garai: các vị vua đã có nhiều công lao đối với người Chăm thuở xa xưa như kiến thiết đất nước, hướng dẫn làm thủy lợi và sản xuất nông nghiệp. Lễ hội Katê còn có ý nghĩa tưởng nhớ đến

ông bà tổ tiên bên ngoại (tức bên cha, vì người Chăm theo mẫu hệ). Tương tự ý nghĩa kính nhớ ông bà tổ tiên trong Katê, người Chăm có lễ Chabur (vào 15/9 lịch Chăm) để tưởng nhớ ông bà tổ tiên bên nội (bên mẹ). Chabur đồng thời là dịp sùng kính thần mẹ xứ sở Pô Nagar – vị thần lớn nhất của người Chăm. Lễ hội Chabur thường được tổ chức với quy mô nhỏ hơn so với lễ hội Katê.

Ăn: Người Chăm ăn cơm, gạo được nấu trong những nồi đất nung lớn, nhỏ. Thức ăn gồm cá, thịt, rau củ, do săn bắt, hái lượm và chăn nuôi, trồng trọt đem lại. Thức uống có rượu cần và rượu gạo. Tục ăn trà cau rất phổ biến trong sinh hoạt và trong các lễ nghi phong tục cổ truyền.

Mặc: Trang phục truyền thống là Nam nữ đều quần váy tằm. Đàn ông mặc áo cánh ngắn xẻ ngực cài khuy. Đàn bà mặc áo dài chui đầu, bộ trang phục truyền thống hoàn chỉnh của phụ nữ Chăm gồm áo, chân váy bsimbay và khăn co đội đầu. Màu chủ đạo trên y phục là màu trắng của vải sợi bông. Ngày nay, trong sinh hoạt hằng ngày, người Chăm ăn mặc như người Kinh.

Ở: Nhà ở là nhà đất (nhà trệt), một số ở nhà xây gạch. Mỗi gia đình có những ngôi nhà được xây cất gần nhau theo một trật tự gồm: nhà khách, nhà của cha mẹ và các con nhỏ tuổi, nhà của các cô gái đã lập gia đình, nhà bếp và nhà tục trong đó có kho thóc, buồng tân hôn và là chỗ ở của vợ chồng cô gái út.

Văn nghệ: Nhạc cụ Chăm nổi bật có trống mặt da Paranung, trống võ, kèn Saranai. Nền dân ca - nhạc cổ Chăm đã để lại nhiều ảnh hưởng đến dân ca - nhạc cổ của người Việt ở miền Trung như trống cơm, nhạc nam ai, ca hò Huế... Dân vũ Chăm được thấy trong các ngày hội Katê diễn ra tại các đền tháp.

Về ngôn ngữ giao tiếp: Hiện nay, đa số người dân tộc Chăm ở Phú Yên đều nghe, hiểu và nói được tiếng phổ thông (Tiếng Việt), nên việc triển khai Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số là khá thuận lợi.

2.2.3. Dân tộc Bana:

Quan hệ xã hội: Làng là đơn vị xã hội hoàn chỉnh và duy nhất. Tàn dư mẫu hệ vẫn thể hiện rõ trong quan hệ gia đình, tộc họ và trong hôn nhân. Sự tan rã của chế độ mẫu hệ ở đây đã nâng cao địa vị của nam giới nhưng phía mẹ vẫn gần gũi hơn. Sau hôn nhân còn phổ biến tập quán cư trú phía nhà vợ. Xã hội có người giàu, người nghèo.

Hoạt động sản xuất: Người Bana sinh sống chủ yếu bằng nghề làm rẫy, trồng lúa, hoa màu và chăn nuôi. Một số bộ phận đồng bào người Ba Na tại Phú Yên hiện nay sinh sống chủ yếu bằng sản xuất nông nghiệp gắn với trồng mía, sắn mì. Người Bana chăn nuôi gà, vịt, heo chủ yếu dùng trong các Lễ hội, một số ít bán đổi lấy thương thực, vật dụng hàng ngày. Và một số nghề thủ công như: đan, dệt, gốm, rèn đảm bảo nhu cầu cuộc sống.

Phong tục, tập quán và tín ngưỡng truyền thống: Người Bana quan niệm mọi vật đều có linh hồn, vì vậy trong tâm linh của họ có vô vàn các vị thần như: thần núi, thần sông, thần đất, thần cây, thần nước... Đồng bào Bana quan niệm con người chết đi sẽ thành ma, tồn tại trong cõi vô hình. “Cách thức đưa đám và chôn cất người qua đời của dân tộc Ba Na được thực hiện theo truyền thống xa xưa để lại. Trước đây, quan tài của người Ba Na làm bằng thân cây đục rỗng, nhưng hiện nay nó được đóng bằng ván gỗ như người Kinh. Người mất lúc đầu được chôn ở khu vực mộ táng của làng. Sau một thời gian, gia đình người mất tiến hành lễ bỏ mả để cho linh hồn người “khuất núi” về với tổ tiên. Đối với người Bana, lễ bỏ mả được coi như lần cuối cùng tiễn biệt người đã “đi xa”, vì thế họ tổ chức khá quy mô và chu đáo”. Giống như nhiều dân tộc thiểu số khác ở vùng núi Phú Yên, trong đời sống văn hóa, người Bana có nhiều lễ hội quy mô cộng đồng khác nhau như: lễ cúng cơm lúa mới, lễ vào mùa, lễ cúng bến nước, lễ cúng nhà mới, lễ cúng mừng tuổi... và đặc biệt là lễ hội đâm

trâu, mà người đồng bào Bana hay gọi là Tăm Kờ pô hoặc Sa Kờ pô.

Ăn: Người Bana cũng như các tộc người khác thích ăn bốc, không dùng đũa. Hiện nay do sống gần với người Kinh nên người Bana cũng dần thay đổi cách ăn như người Kinh. Cơm hay thức ăn nấu trong những cái nồi đất miệng loe ra, không có nắp đậy, không có quai; thường đậy nồi bằng lá chuối. Ngày nay, họ thường dùng nồi đồng hay xoong nhôm mua của người Kinh để nấu ăn. Rượu là thức uống rất được ưa thích, phổ biến nhất là rượu cần, rượu cần được ủ bằng cơm gạo nếp hay tẻ, bằng bắp, sắn mì.

Mặc: Trang phục người Bana rất giản dị, đàn ông thường ở trần hay mặc áo cánh tay cụt, cổ xẻ để hở ngực, đóng khố. Đàn bà mặc áo cộc tay, ngực kín, váy dài. Ngoài ra họ còn có một tấm vải quấn quanh lưng dùng để đựng con nhỏ lúc lên rẫy hoặc về phố chợ. Đàn bà, đàn ông đều thích đeo những vòng bằng bạc, bằng đồng hoặc những chuỗi hạt cườm. Vải do người Bana dệt bằng vải bông, màu đen chàm và trắng, kẻ viền màu đỏ gạch, hoa văn một màu đơn sơ. Dệt thổ cẩm là một nghề truyền thống mà đến nay người Bana Phú Yên vẫn còn gìn giữ. Mỗi sản phẩm được làm ra từ những bàn tay khéo léo của các nghệ nhân ở buôn làng rất tinh tế, không chỉ đẹp về hình thức, mà còn thể hiện một tâm hồn phong phú, phóng khoáng.

Ở: Người Bana thích sống thành gia đình lớn gồm nhiều thế hệ trong những ngôi nhà dài 50 - 100m. Nhiều nhà hợp thành buôn, mỗi buôn đều có nhà Rông - Nhà Rông của đồng bào Bana là một công trình kiến trúc độc đáo với những hoa văn trang trí, những tượng người, chim, thú bằng gỗ được chạm khắc rất đẹp. Tuy sống chung, nhưng họ làm ăn và có của cải riêng. Vào những nhà này, sàn có nhiều bếp lửa, mỗi bếp là một gia đình, sàn nhà người Bana thường lát bằng ván gỗ hoặc lát bằng tre đan, phen vách bằng nứa hoặc tre đan, cột với lạt mây. Khi ngủ thì nằm ngay giữa sàn bên cạnh bếp lửa; Trong nhà có rất nhiều ghè rượu, sắp thành hàng dài ở phía giữa nhà. Bên cạnh đó là những chiếc gùi đủ cỡ. Trên vách phen hay phía mái nhà treo những dụng cụ săn bắn, những chiếc lờ đánh cá.

Văn nghệ: Đồng bào người Bana ở Phú Yên có kho tàng văn nghệ dân gian khá phong phú, đa dạng. Đó là những làn điệu dân ca, các câu chuyện dài (Hamon) nói về các nhân vật anh hùng Bok Rok, Bok Sét, Riăh, Đăm Noi, Dyông, Dy Ông Chur, Diê Bya Rai...; các điệu múa như: múa khiên (soang khêl), múa kiếm (soang đao), múa trống (soang sa gơi), múa công chiêng...; các loại nhạc cụ gồm công chiêng, đàn t'rung, đàn goong, trống cái, đàn k'ni, sáo atal, kèn t'nốt... Đặc biệt biểu diễn nghệ thuật "Trống đôi, công ba, chiêng năm" thường thấy trong các Lễ hội lớn của người Bana.

Về ngôn ngữ giao tiếp: Người Bana giao tiếp theo nhóm ngôn ngữ *Môn-Khmer* và *Việt ngữ*. Hiện nay, do sống gần với người Kinh nên đa số người dân tộc Ba Na ở Phú Yên đều nghe, hiểu và nói được tiếng phổ thông (Tiếng Việt), nên tương đối thuận lợi cho việc triển khai Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số.

2.2.4. Dân Tộc Tày

Quan hệ xã hội: Người Tày thường lấy con sông, suối hay một quả đồi làm ranh giới giữa làng này với làng khác Người Tày sống tập trung mang tính chất quý tộc, thế tập, cha truyền con nối. Nội bộ làng bản người Tày bao gồm các quan hệ láng giềng và quan hệ thân tộc cùng tồn tại và chi phối đời sống bản sắc văn hóa dân tộc. Người trong làng, phần đông là họ hàng, dẫu rẽ xa gần, quan hệ chằng chéo với nhau. Đứng đầu làng có già làng, trưởng bản, là người am hiểu về phong tục tập quán và được mọi người tín nhiệm. Già làng đứng ra điều tiết các mối quan hệ giữa các dòng họ, thành viên trong làng.

Hoạt động sản xuất: Người Tày là cư dân nông nghiệp có truyền thống làm ruộng nước, từ lâu đời đã biết thâm canh và áp dụng rộng rãi các biện pháp thủy lợi như đào

mương, bắc máng, đập phai, làm cọn lấy nước tưới ruộng. Ngoài lúa nước người Tày còn trồng mía, sắn mì và cây ăn quả... Chăn nuôi phát triển với nhiều loại gia súc, gia cầm nhưng nuôi thả rông là khá phổ biến. Các nghề thủ công gia đình được chú ý. Nổi tiếng nhất là nghề dệt thổ cẩm với nhiều loại hoa văn đẹp, độc đáo.

Phong tục, tập quán và tín ngưỡng truyền thống: Người Tày xem việc thờ cúng tổ tiên là một trong những vấn đề tín ngưỡng tâm linh quan trọng nhất. Tổ tiên với người Tày là thiêng liêng. Người Tày thờ tổ tiên và bái vật giáo. Bàn thờ tổ tiên của người Tày đặt chính giữa nhà và làm thành một không gian riêng và được cung kính hết mực. Khách và phụ nữ có thai, mới sinh không được phép ngồi hay nằm trên ghế, giường trước bàn thờ. Trong tôn giáo của người Tày, ngày tảo mộ (3/3 âm lịch) là ngày lễ quan trọng nhất của người Tày.

Ăn: Cuộc sống của người Tày thường gắn bó với thiên nhiên, do đó, nguồn lương thực, thực phẩm chính của người Tày là những sản phẩm thu được từ hoạt động sản xuất ở vùng có rừng, sông, suối, đồi núi, Họ chăn nuôi để cung cấp thực phẩm cho bữa ăn hàng ngày, các dịp lễ tết hoặc đem bán, trao đổi. Các món ăn người Tày thường tập trung vào cách ứng xử trong gia đình, trong bữa ăn hàng ngày của người Tày, mâm cơm thường để ở chính giữa nhà, phía trên của bếp lửa nhà sàn. Mỗi gia đình người Tày thường có ba thế hệ: ông bà, bố mẹ, con cái, gồm từ 6 đến 7 người. Vị trí ngồi ăn theo thứ tự từ ông - bà; cha - mẹ rồi đến con cái, bữa ăn là lúc đoàn tụ, tập trung đông đủ mọi thành viên trong gia đình.

Mặc: Người Tày mặc các bộ trang phục có màu. Trang phục cổ truyền của người Tày được làm từ vải sợi bông tự dệt, được nhuộm chàm đồng nhất trên trang phục nam và nữ, hầu như không có hoa văn trang trí. Phụ kiện trang trí là các đồ trang sức làm từ bạc và đồng như khuyên tai, kiềng, lắc tay, xà tích,... Ngoài ra còn có thắt lưng, giầy vải có quai, khăn vấn và khăn mỏ quạ màu chàm đồng nhất. Người Tày ở Phú Yên thường hay giao tiếp, trao đổi hàng hoá với người Kinh nên trong trang phục thường ngày của họ cũng mang đậm nét người Kinh, trang phục truyền thống thường mặc vào những lễ hội của dân tộc mình.

Ở: Nhà truyền thống người Tày thường là nhà sàn, nhà đất mái lợp cỏ gianh và một số vùng giáp biên giới có loại nhà phòng thủ. Trong nhà phân biệt phòng nam ở ngoài, nữ ở trong buồng. Phổ biến là loại nhà đất 3 gian, 2 mái (không có chái), tường đất hoặc thung phen nứa, gỗ xung quanh, mái lợp cỏ tranh, người Tày sống định cư, quay quần thành từng bản chừng 15 đến 20 hộ.

Văn nghệ: Hát then là chủ yếu, hát lượn, hát sli được dùng vào các mục đích sinh hoạt khác nhau, các thể loại dân ca nổi tiếng của người Tày. Bộ nhạc cụ chính như Đàn tính, Lúcc lác. Đàn tính là loại nhạc cụ có mặt trong tất cả những sinh hoạt văn hoá tinh thần của người Tày, như linh hồn trong nghệ thuật dân ca dân vũ Tày. Bao đời nay đàn tính có vai trò như một phương tiện giao tiếp mang đậm bản sắc.

Về ngôn ngữ giao tiếp: Người Tày giao tiếp theo ngôn ngữ Tày – Thái. Hiện nay, đa số người dân tộc Tày ở Phú Yên đều nghe, hiểu và nói được tiếng phổ thông (Tiếng Việt), nên tương đối thuận lợi cho việc triển khai Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số.

2.2.5. Dân tộc Nùng

Quan hệ xã hội: Cộng đồng người Nùng thường sống tập trung thành Làng Bản. Người Nùng thường lập ở dưới chân núi, phía trước có suối nước, cánh đồng hoặc gò đồi, xung quanh có núi bao bọc. Dù ở vị trí nào Họ cũng tuân theo nguyên lý: trước mặt có tầm nhìn xa trông rộng, sau lưng có điểm tựa vững chắc và có nguồn nước phục vụ sinh hoạt thuận lợi. Các gia đình trong làng bản người Nùng nằm liền kề với nhau nhằm đoàn kết chống thú dữ, chống giặc ngoại xâm, chống trộm cướp, đồng thời có điều kiện giúp đỡ lẫn nhau khi có người ốm đau bệnh tật, có việc cưới xin, tang lễ, dựng nhà... Trong các bản,

Làng người Nùng không sống sen kẽ với các dân tộc khác và vẫn giữ mối quan hệ hài hoà với cộng đồng.

- Hoạt động sản xuất: Địa bàn cư trú của người Nùng ở nơi có rừng, núi nên đồng bào Nùng rất thành thạo trong khai thác đất đồi, làm nương rẫy để trồng mía, sắn mì; đất bằng trồng lúa nước. Trong lao động sản xuất họ gắn bó giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau cộng tác làm ăn, cùng nhau tham gia vào các hoạt động sinh hoạt đời thường.

Phong tục, tập quán và tín ngưỡng truyền thống: Bất cứ gia đình người Nùng nào cũng thờ quan Phật trong nhà, có họ thờ quan Thế âm Bồ Tát, có họ thờ Ham. Đồng bào Nùng cho rằng có 2 vị thần này rất thiêng, có thể giúp gia đình diệt trừ yêu ma. Họ thờ tổ tiên và thờ Hoa vương Thánh mẫu (bà Mụ). Trong gia đình có người làm thầy cúng thì thờ thêm tổ sư của người cúng, bát hương để ở chỗ cao hơn bát hương thờ tổ tiên. Gia đình có người làm thầy thuốc làm thêm bát hương Quan thái y. Gia đình người Nùng mang tính chất gia trưởng phụ quyền rất cao, phản ánh rõ nét trong đời sống hàng ngày. Trong gia đình, vai trò người bố, chồng, cha là người quyết định trong việc phân chia tài sản và chỉ có con trai, mới được quyền thừa kế. Con trai trưởng được nhận phần nhiều hơn và ở chung với bố mẹ, có trách nhiệm chăm sóc phụng dưỡng bố mẹ. Khi bố mẹ đã khuất bóng thì lo tang ma, cúng giỗ.

Ăn: Người Nùng cũng khá giống người Tày, Họ thường gắn bó với thiên nhiên, chính vì vậy nguồn lương thực, thực phẩm chính của họ là những sản phẩm thu được từ hoạt động sản xuất ở vùng có rừng, sông, suối, đồi núi, Họ chăn nuôi để cung cấp thực phẩm cho bữa ăn hàng ngày, trong các dịp lễ tết hoặc đem bán, đổi.

Mặc: Trang phục người Nùng không văn hoa sặc sỡ. Phụ nữ Nùng mặc áo năm thân màu chàm, áo ngắn đủ che mông, áo được may rất rộng cả phần thân và tay, giúp cho cử động được thoải mái. Chiếc áo của phụ nữ Nùng được trang trí bằng cách thêm miếng vải khác màu vào cổ tay áo và phía trước ngực, thông thường là vải đen đắp lên áo chàm. Một bộ phận người Nùng thường giao thương, sống gần với người Kinh nên trong trang phục thường ngày của họ cũng mang đậm nét người Kinh, trang phục truyền thống thường mặc vào những lễ hội của dân tộc mình.

Ở: Đặc điểm người Nùng ở nhà sàn và nhà đất, một số ít ở nhà gạch xây, mỗi nhà là một gia đình. Người Nùng sống quần cư, quây quần nhiều dòng họ, có bản có tới hàng chục gia đình, nhưng quy mô trung bình chỉ khoảng vài chục ngôi nhà tập hợp thành một bản. Tổ chức cuộc sống xã hội của người Nùng theo chế độ phụ hệ, mọi tập tục sinh hoạt, phong tục, tập quán, tín ngưỡng hầu như diễn ra trên mỗi ngôi nhà, nhưng chính từ đó tạo ra sự gắn kết đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau.

Văn nghệ: Dân ca của người Nùng phong phú với các làn điệu hát giao duyên, hát lượn, hát kể, hát Sli giao lưu... Các bài hát của họ đều gắn liền với cuộc sống sinh hoạt hàng ngày như ru con, kể lại hoạt động lao động sản xuất, ca ngợi thiên nhiên, con người, tình yêu đôi lứa...

Về ngôn ngữ giao tiếp: Người Nùng giao tiếp theo ngôn ngữ riêng. Tuy nhiên, đa số người Nùng ở Phú Yên đều nghe, hiểu và nói được tiếng phổ thông (Tiếng Việt), nên tương đối thuận lợi cho việc triển khai Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số.

2.2.6. Một số dân tộc khác: Ngoài dân tộc Êđê, Chăm, BaNa, Tày, Nùng trên địa bàn tỉnh Phú Yên còn có một số dân tộc khác như: Dao, Hrê, Hoa, Mnong, Raglai, Dao, Sán Dìu,về bản sắc văn hóa của các dân tộc này hầu hết gần giống với đồng bào Êđê, Chăm, BaNa, Tày, Nùng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2.3. Công tác cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho đồng bào DTTS

- Thuận lợi: Được sự quan tâm của Đảng và nhà nước nói chung và của Lãnh đạo

UBND tỉnh Phú Yên nói riêng. Hiện nay, người đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn các huyện trong tỉnh đã được cấp GCN theo dự án đo đạc cấp GCN thuộc dự án tổng thể hoặc các dự án cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các thửa đất của người dân cơ bản đã được cấp giấy theo đúng mục đích sử dụng và chủ sử dụng. Tỷ lệ cấp giấy trên địa bàn tỉnh cho người đồng bào dân tộc thiểu số đến nay đạt tỷ lệ khá: 71,87%/toàn tỉnh. (Cụ thể tỷ lệ cấp giấy từng dân tộc trên địa bàn tỉnh: dân tộc Êđê đạt 78,29%; dân tộc Chăm đạt 52,88%; dân tộc Bana đạt 66,77%; dân tộc Tày 93,01%; Dân tộc Nùng đạt 93,96%; dân tộc khác đạt 78,15%).

- **Khó khăn:** Trình độ dân trí người đồng bào DTTS đa số còn hạn chế nên cũng phần nào khó khăn trong công tác tuyên truyền, thuyết phục họ đăng ký cấp GCN. Một số hộ gia đình chưa kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận mặc dù đã hướng dẫn vận động đăng ký cấp Giấy; Một số trường hợp khác đất đang có tranh chấp chưa giải quyết xong tranh chấp nên chưa cấp Giấy được.

Đa số người đồng bào DTTS cùng muốn cấp GCN cho tất cả mọi gia đình trong làng, bản cùng một lúc và phải có người uy tín trong Làng, bản (Già làng, trưởng thôn, bản) đứng ra làm chủ đề cùng được cấp GCN, điều này cũng ít nhiều khó khăn trong công tác cấp GCN.

2.4 Đánh giá tác động khi triển khai thực hiện dự án, các tác động tích cực

Qua các phương pháp điều tra, phân tích và phỏng vấn, tham vấn người dân, nhìn chung, việc triển khai thực hiện dự án được cho rằng sẽ đem lại nhiều tác động tích cực đối với cộng đồng dân cư trong vùng dự án, trong đó có lợi ích của cộng đồng dân tộc thiểu số, cụ thể như sau:

- **Giảm thời gian hành chính và tăng hiệu quả cho người sử dụng đất:** việc thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng internet sẽ tăng cường tính minh bạch về thông tin trong việc kê khai, thực hiện các thủ tục của người dân, tiết kiệm thời gian và tính hiệu quả trong việc tiếp cận với các cơ quan và công chức nhà nước. Dựa vào các hoạt động cải cách hành chính, chi phí đi lại và giấy tờ, cùng với các vấn đề về quan liêu và sự phiền nhiễu sẽ được giảm thiểu.

- **Cải thiện môi trường kinh doanh:** với sự minh bạch về thông tin đất đai và việc tra cứu thông tin một cách thuận tiện, nhà đầu tư có thể thu được các thông tin mà họ cần để phục vụ cho lô đất mà họ nhắm tới (tình trạng của lô đất, yêu cầu và các thủ tục của hợp đồng mà không cần phải đến vị trí lô đất).

- **Cải thiện thủ tục hành chính cho các dịch vụ công cộng và người sử dụng đất hộ gia đình:** Dựa vào việc chia sẻ về thông tin đất đai giữa các dịch vụ công liên quan, như phòng công chứng, cơ quan thực thi pháp luật và cơ quan thuế cho thấy sự cải thiện đáng kể trong đây nhanh sự phối hợp trong giải quyết công cho người sử dụng đất. Đặc biệt, sự liên kết giữa các phòng công chứng với nhau sẽ tránh được việc sự chồng chéo trong dịch vụ công chứng như là công chứng viên có thể kiểm tra được lô đất đó có được công chứng tại một nơi khác hay không trước khi họ tiến hành các dịch vụ công chứng. Điều này cũng sẽ dẫn đến việc giảm chi phí của quá trình kiểm tra và xác minh hồ sơ vì hồ sơ đó đã có sẵn trên hệ thống MPLIS. Những đối tượng sử dụng là hộ gia đình, cá nhân có thể hưởng lợi từ việc liên kết giữa các Phòng công chứng vì có thể giảm thiểu rủi ro và chi phí liên quan. Họ có thể kiểm tra về việc lô đất của họ có nằm trong khu vực dự án, hay quy hoạch cho vùng phát triển mới hoặc trong một cuộc tranh chấp nào đó. Điều này sẽ làm giảm tối thiểu các rủi ro trong giao dịch về đất.

Tác động tiêu cực

Dự án sẽ đặt trọng tâm vào việc cải thiện khung pháp lý, xây dựng và điều hành MPLIS trên cơ sở dữ liệu về đất đai hiện có để quản lý đất tốt hơn và phát triển kinh tế - xã hội. Dự án không đề xuất xây dựng bất kỳ công trình dân dụng nào, do đó sẽ không có thu hồi đất. Sẽ không có bất kỳ tác động nào gây ra hạn chế cho việc khai thác các tài nguyên thiên nhiên và ngược lại, do đó, tác động tiêu cực khi triển khai dự án hầu như không có. Tuy nhiên, sẽ phát sinh các vấn đề thực tiễn cần giải quyết khi các thông tin liên quan đến người sử dụng đất rõ ràng, cụ thể và minh bạch hơn như: tranh chấp đất đai; quyền và lợi ích hợp pháp của từng chủ thể sử dụng đất khi có sự so sánh... Việc giải quyết những tác động tiêu cực sẽ được thể hiện trong các hoạt động cụ thể tại bản Kế hoạch này để đảm bảo việc tổ chức thực hiện.

2.5 Khung chính sách và cơ sở pháp lý

2.5.1 Quy định pháp lý hiện hành của Việt Nam đối với các nhóm dân tộc thiểu số

Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn xác định vấn đề dân tộc, công tác dân tộc luôn có vị trí chiến lược quan trọng. Tất cả người dân tộc ở Việt Nam đều có đầy đủ quyền công dân và được bảo vệ bằng các điều khoản công bằng theo Hiến pháp và pháp luật. Chủ trương, chính sách cơ bản đó là "Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển", trong đó vấn đề ưu tiên là "đảm bảo phát triển bền vững vùng DTTS và miền núi".

Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 đã ghi nhận quyền bình đẳng giữa các dân tộc ở Việt Nam (Điều 5) như sau:

“1. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.

2. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.

3. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình.

4. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các DTTS phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước.”

Hiến pháp sửa đổi qua các năm từ 1946, 1959, 1980, 1992 và đến năm 2013 đều quy định rõ “Tất cả các dân tộc là bình đẳng, thống nhất, tôn trọng và giúp đỡ nhau để cùng phát triển; tất cả các hành vi phân biệt đối xử, phân biệt dân tộc; DTTS có quyền sử dụng tiếng nói và chữ viết, duy trì bản sắc của dân tộc, và duy trì phong tục, nguyên tắc và truyền thống của họ. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện thuận lợi cho người DTTS phát huy sức mạnh nội lực để bắt kịp với sự phát triển của quốc gia”.

Các vấn đề về đất đai là bản chất chính trị và có thể gây tác động tới sự phát triển kinh tế - xã hội của rất nhiều quốc gia, đặc biệt là những nước đang phát triển. Chính sách đất đai có tác động rất lớn đối với sự phát triển bền vững và cơ hội về phát triển kinh tế - xã hội cho mọi người cả ở khu vực nông thôn và thành thị, đặc biệt là những người nghèo.

Tại Điều 53, Hiến pháp và Điều 4, Luật đất đai 2013 đã nêu rõ về vấn đề sở hữu đất như sau: “Đất đai thuộc sở hữu của toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo quy định của Luật này”. Theo quy định này thì đất đai là thuộc sở hữu của toàn dân, nhà nước đóng vai trò là

đại diện chủ sở hữu để quản lý và Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho các đối tượng sử dụng đất (người sử dụng đất) với các hình thức giao đất, cho thuê đất và công nhận quyền sử dụng đất theo các quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 27, Luật Đất đai năm 2013 quy định: Nhà nước có chính sách về đất ở, đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào DTTS phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng vùng; có chính sách tạo điều kiện cho đồng bào DTTS trực tiếp sản xuất nông nghiệp ở nông thôn có đất để sản xuất nông nghiệp.

Điều 28, Luật Đất đai năm 2013 quy định: Nhà nước có trách nhiệm xây dựng, quản lý hệ thống thông tin đất đai và bảo đảm quyền tiếp cận của tổ chức, cá nhân đối với hệ thống thông tin đất đai; thực hiện công bố kịp thời, công khai thông tin cho các tổ chức, cá nhân; cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong quản lý, sử dụng đất đai có trách nhiệm tạo điều kiện, cung cấp thông tin về đất đai cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

Điều 43, Luật đất đai 2013 về “Lấy ý kiến về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất” quy định: Cơ quan nhà nước lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất như được quy định tại khoản 1 và 2 của điều 42 của Luật này sẽ có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến đóng góp của nhân dân về quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất”. Việc lấy ý kiến của người dân sẽ được diễn ra thông qua công khai thông tin về nội dung của quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, qua các hội nghị và tham vấn trực tiếp.

Điều 110, Luật Đất đai năm 2013 quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với trường hợp sử dụng đất để thực hiện chính sách nhà ở, đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân là DTTS ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo; sử dụng đất sản xuất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân là dân tộc thiểu số.

Theo quy định của Luật Đất đai, cộng đồng dân cư gồm cộng đồng người Việt Nam sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố và điểm dân cư tương tự có cùng phong tục, tập quán hoặc có chung dòng họ. Cộng đồng dân cư đang sử dụng đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; đất nông nghiệp quy định tại Khoản 3, Điều 131, Luật Đất đai và đất đó không có tranh chấp, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận là đất sử dụng chung cho cộng đồng thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Điều 100) và được Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất để bảo tồn bản sắc dân tộc gắn với phong tục, tập quán của các dân tộc (Điều 131), đồng thời việc giao đất, cho thuê đất phải ưu tiên hộ gia đình, cá nhân là DTTS không có đất hoặc thiếu đất sản xuất ở địa phương (Điều 133).

Nhà nước yêu cầu áp dụng chính sách kinh tế - xã hội cho từng vùng và từng dân tộc, có tính đến nhu cầu cụ thể của các nhóm DTTS. Kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam chú trọng tới DTTS. Một vài chương trình chính của DTTS, như Chương trình 135 (xây dựng cơ sở hạ tầng cho khu vực nghèo, vùng xa và sâu) và Chương trình 134 (xóa nhà tạm).

2.5.2 Sự thống nhất với chính sách hoạt động của Ngân hàng thế giới về người bản địa

Chính sách hoạt động 4.10 (cập nhật năm 2013) của Ngân hàng Thế giới (WB) yêu cầu Bên đi vay thực hiện một quá trình tham vấn tự do, được thông báo trước và được thực hiện trước khi tiến hành dự án với người dân bản địa khi người dân bản địa bị ảnh hưởng bởi dự án. Mục đích của việc tham vấn này là nhằm tránh hoặc giảm đến mức tối thiểu những tác động xấu của dự án đến người DTTS và để đảm bảo các hoạt động của dự án phù hợp với văn hóa và phong tục của địa phương. Khuyến khích việc ra quyết định của

địa phương và sự tham gia của cộng đồng trong khuôn khổ quy định pháp luật của Việt Nam về phân cấp và về đất đai phù hợp với chính sách của Ngân hàng thế giới.

Chính sách an toàn của Ngân hàng thế giới chỉ rõ người dân bản địa là nhóm (a) tự xác định là những thành viên của nhóm văn hóa bản địa riêng biệt và điều đó được những nhóm khác công nhận; (b) cùng chung môi trường sống riêng biệt về mặt địa lý hoặc cùng lãnh thổ của tổ tiên trong khu vực dự án và cùng chung nguồn tài nguyên thiên nhiên trong những môi trường và lãnh thổ này; (c) thể chế về văn hóa theo phong tục tập quán riêng biệt so với xã hội và văn hóa chủ đạo; (d) một ngôn ngữ bản địa, thường là khác với ngôn ngữ chính thức của đất nước hoặc của vùng.

Trong phạm vi triển khai dự án VILG, các nhóm dân tộc thiểu số tại các địa bàn triển khai dự án có khả năng nhận được lợi ích lâu dài từ việc được truyền thông để nhận thức được các quy định của pháp luật cho đến việc được tiếp cận với các thông tin đất đai và các dịch vụ đất đai. Việc xây dựng kế hoạch phát triển DTTS (EMDP) là hành động để giảm thiểu các tác động tiềm tàng có thể xảy ra trong quá trình triển khai các hoạt động của dự án. Đảm bảo công cuộc giảm nghèo và phát triển bền vững, đồng thời, tôn trọng đầy đủ nhân phẩm, quyền con người, giá trị kinh tế và bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số.

III. KẾT QUẢ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

3.1 Kết quả các phát hiện chính từ tham vấn về xã hội

Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các huyện miền núi trong khu vực dự án tổ chức tham vấn người đồng bào DTTS tại 06 xã/05 huyện.

(Thông tin chi tiết về các đối tượng được tham vấn xem tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2)

Nhóm các đối tượng đã thực hiện tham vấn, bao gồm: (1) cán bộ làm công tác quản lý như cán bộ các Sở, ngành, phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Công chức địa chính xã,... (2) Các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng đất; và (3) Cộng đồng DTTS. Kết quả tổng hợp nội dung từ các Phiếu tham vấn cụ thể như sau:

STT	Nội dung tham vấn	Cán bộ quản lý			Tổ chức			Đồng bào DTTS		
		Tốt	Trung bình	Kém	Tốt	Trung bình	Kém	Tốt	Trung bình	Kém
1	Cung cấp các thông tin đất đai của các cơ quan đăng ký đất đai cho người sử dụng đất		x			x				x
2	Kỹ năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin		x		x					x
3	Giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai của các cơ quan đăng ký đất đai	x				x			x	
4	Giải quyết khiếu nại về đất đai		x			x				x

5	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đề nâng cao nhận thức cộng đồng		X			X				X
---	--	--	---	--	--	---	--	--	--	---

Ghi chú: Kết quả được lấy trên cơ sở đa số phiếu đã tổng hợp

Trên cơ sở đó khi PPMU giới thiệu về Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, những mục tiêu cụ thể của dự án thì hầu hết các đối tượng được tham vấn đều bày tỏ sự đồng tình với Dự án và mong muốn dự án được triển khai sớm để họ được dễ dàng có được các thông tin đất đai cần thiết.

Để giảm thiểu những tác động không mong muốn của dự án về dân tộc thiểu số, hầu hết những người được hỏi đồng ý đề xuất các biện pháp sau đây:

- Tăng cường công tác cung cấp thông tin về đất đai cho các đối tượng sử dụng đất theo nhiều loại hình (bao gồm cả dịch vụ công) nhằm hạn chế các khiếu nại có liên quan đến đất đai của người dân và doanh nghiệp.
- Tập trung, tuyên truyền, phổ biến đối để nâng cao nhận thức đối với những đối tượng DTTS, người nghèo với nhiều hình thức khác nhau phù hợp với từng đối tượng, phong tục tập quán.
- Tập huấn kỹ năng sử dụng máy tính cho cán bộ thôn và người dân.

3.2 Khung tham vấn và phương pháp tham vấn cộng đồng

PPMU sẽ thiết lập một khung tham vấn bao gồm các vấn đề về giới và liên thế giới để cung cấp cơ hội tư vấn và sự tham gia của cộng đồng EM, tổ chức EM và các tổ chức dân sự khác trong các hoạt động của dự án trong quá trình thực hiện dự án. Khung tham vấn sẽ làm rõ (i) mục tiêu tham vấn, (ii) nội dung tham vấn; (iii) phương pháp tham vấn; và (iv) thông tin phản hồi. Dựa trên khung tham vấn, một kế hoạch tham vấn sẽ được xây dựng và triển khai như sau: (i) Mục tiêu tham vấn và thông tin cơ bản cần có từ họ; (ii) xác định các vấn đề cần thiết cho tham vấn; (iii) lựa chọn các phương pháp tham vấn phù hợp với mục tiêu tham vấn và văn hóa của các nhóm EM; (iv) chọn địa điểm và thời gian để tham khảo ý kiến phù hợp với văn hóa và tập quán của các nhóm EM; (v) ngân sách để thực hiện; (vi) thực hiện tư vấn; và (vi) sử dụng kết quả tham vấn và trả lời.

Một số phương pháp tham vấn phổ biến và hiệu quả là (i) họp cộng đồng hoặc thảo luận nhóm (ii) phỏng vấn với các nhà cung cấp thông tin quan trọng hoặc phỏng vấn sâu; (iii) sử dụng bảng câu hỏi có cấu trúc; (iv) Triển lãm và trình diễn di động. Các phương pháp và ngôn ngữ được chọn sẽ phù hợp với văn hóa và thực tiễn của cộng đồng EM. Ngoài ra, thời gian thích hợp sẽ được phân bổ để có được sự hỗ trợ rộng rãi từ những người liên quan.

Các thông tin liên quan đến dự án có liên quan, đầy đủ và có sẵn (bao gồm các tác động tiêu cực và tiềm năng) cần được cung cấp cho người EM theo những cách phù hợp nhất về mặt văn hóa trong quá trình thực hiện dự án.

IV. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG

Dựa trên kết quả tham vấn và đánh giá, một kế hoạch hành động bao gồm các hoạt động sau đây được đề xuất để đảm bảo rằng người EM nhận được lợi ích kinh tế xã hội tối đa của dự án theo cách phù hợp với văn hóa, bao gồm đào tạo để nâng cao năng lực của các

cơ quan thực hiện dự án.

Hoạt động 1: Thiết lập nhóm tư vấn cộng đồng cấp tỉnh, nhóm tham gia cộng đồng cấp huyện

Để xây dựng một kênh phổ biến thông tin và tiếp nhận ý kiến phản hồi của người sử dụng đất, đặc biệt là cộng đồng DTTS, một nhóm tư vấn cộng đồng cấp huyện cần được thành lập. Thành phần của nhóm bao gồm đại diện của Ban Dân tộc, Văn phòng đăng ký đất đai, Mặt trận tổ quốc, Hội phụ nữ, cán bộ Ban QLDA tỉnh, lãnh đạo xã, cán bộ địa chính xã, Mặt trận tổ quốc xã, Hội phụ nữ xã. UBND tỉnh Phú Yên ra quyết định thành lập nhóm và quy định cơ chế hoạt động của nhóm. Nhiệm vụ chính của nhóm là phổ biến thông tin về dự án và thực hiện các cuộc tham vấn với cộng đồng DTTS về các hoạt động của dự án nhằm thu thập thông tin và ý kiến phản hồi của cộng đồng DTTS về các vấn đề chính sau đây để cung cấp kịp thời cho Ban QLDA và các cơ quan thực hiện dự án cũng như cộng đồng DTTS:

- Nhu cầu về thông tin đất đai của cộng đồng DTTS ở địa phương;
- Các yếu tố văn hóa và phong tục tập quán của cộng đồng DTTS cần được quan tâm trong quá trình thực hiện các hoạt động của dự án;
- Phong tục truyền thống về sử dụng đất đai của cộng đồng DTTS cần được quan tâm xem xét trong quá trình xử lý cũng như cung cấp thông tin về đất đai;
- Những trở ngại trong việc phổ biến thông tin, tham vấn và tham gia của cộng đồng DTTS trong quá trình thực hiện dự án và sử dụng các thành quả của dự án;
- Đề xuất các giải pháp khắc phục các trở ngại nhằm đảm bảo sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng DTTS đối với dự án và sử dụng các thành quả của dự án một cách hiệu quả và bền vững;
- Tiếp nhận các khiếu nại và làm việc với các cơ quan liên quan để giải quyết các khiếu nại và phản hồi kết quả giải quyết khiếu nại của người dân một cách kịp thời.

Trong quá trình thực hiện dự án, Ban QLDA và các đơn vị liên quan cần tham vấn thường xuyên với nhóm này.

Các phương pháp tham vấn có thể được sử dụng phù hợp với đặc điểm văn hóa của các DTTS là họp cộng đồng, thảo luận nhóm mục tiêu (nhóm phụ nữ, nhóm dễ bị tổn thương), phỏng vấn sâu những người cung cấp thông tin chủ chốt (già làng, trưởng thôn bản, cán bộ quản lý đất đai, đại diện các nhà cung cấp thông tin có liên quan), trình diễn mô hình. Các phương pháp này cần bao gồm các yếu tố về giới và liên thế hệ, tự nguyện, và không có sự can thiệp.

Tham vấn cần được thực hiện hai chiều, tức là cả thông báo và thảo luận cũng như lắng nghe và trả lời thắc mắc. Tất cả các cuộc tham vấn cần được tiến hành một cách thiện chí, tự do, không hăm dọa hay ép buộc, tức là không có sự hiện diện của những người có thể ảnh hưởng đến người trả lời, cung cấp đầy đủ thông tin hiện có cho những người được tham vấn nhận được sự đồng thuận rộng rãi của cộng đồng DTTS đối với các hoạt động của dự án. Phương pháp tiếp cận toàn diện và đảm bảo bao gồm yếu tố về giới, phù hợp với nhu cầu của các nhóm bị thiệt thòi và dễ bị tổn thương, đảm bảo các ý kiến có liên quan của những người bị ảnh hưởng, các bên liên quan khác được cân nhắc trong quá trình ra quyết định. Đặc biệt, người sử dụng đất là người DTTS sẽ được cung cấp các thông tin có liên quan về dự án càng nhiều càng tốt, một cách phù hợp về văn hóa trong thực hiện dự án, theo dõi và đánh giá để thúc đẩy sự tham gia và hòa nhập. Thông tin có thể bao gồm nhưng

không giới hạn về các nội dung như khái niệm dự án, thiết kế, đề xuất, biện pháp bảo vệ, thực hiện, theo dõi và đánh giá.

Tất cả các thông tin có liên quan cần lấy ý kiến cộng đồng DTTS sẽ được cung cấp thông qua hai kênh. Thứ nhất, thông tin sẽ được phổ biến cho các trưởng thôn/bản tại cuộc họp hàng tháng của họ với lãnh đạo của Ủy ban nhân dân xã hoặc Nhóm tham vấn để được chuyển tiếp cho người dân trong các cuộc họp thôn một cách phù hợp với văn hóa và ngôn ngữ của các nhóm DTTS. Thứ hai, thông báo bằng tiếng Việt và bằng ngôn ngữ của người DTTS (nếu cần) sẽ được công khai tại Ủy ban nhân dân cấp xã ít nhất một tuần trước cuộc tham vấn. Việc thông báo sớm như vậy đảm bảo người dân có đủ thời gian để hiểu, đánh giá và phân tích thông tin về các hoạt động được đề xuất.

Ngoài ra, các hoạt động của dự án cần thu hút sự tham gia tích cực và sự hướng dẫn (chính thức và không chính thức) của các cán bộ địa phương như trưởng thôn, các thành viên của các nhóm hòa giải ở cấp thôn, bản, ấp... Ban giám sát cộng đồng ở cấp xã cần giám sát chặt chẽ việc tham gia của các tổ chức địa phương và cán bộ trong các hoạt động khác nhau của dự án VILG. Thông tin đầu vào được sử dụng để theo dõi và đánh giá có thể bao gồm khả năng truy cập của người DTTS vào hệ thống thông tin đất đai được thiết lập trong khuôn khổ dự án, lợi ích từ các thông tin nhận được... Bằng cách cho phép sự tham gia của các bên liên quan thuộc nhóm DTTS trong quá trình lập kế hoạch dự án, thực hiện, giám sát và đánh giá, dự án có thể đảm bảo rằng người dân tộc thiểu số nhận được các lợi ích xã hội và kinh tế từ dự án một cách phù hợp với văn hóa của họ. Với sự tham gia của cộng đồng DTTS, các thông tin đất đai do VILG thiết lập sẽ góp phần tăng thêm sự minh bạch và hiệu quả, đạt được các mục tiêu của dự án đối với các nhóm DTTS. Cần xây dựng năng lực cho các bên liên quan, đặc biệt là Nhóm tham vấn để tránh những hạn chế đang tồn tại trong việc thực hiện tham vấn cộng đồng địa phương, chẳng hạn như tham vấn một chiều, không cung cấp đủ thông tin; vội vàng; và có sự ép buộc.

Hoạt động 2: Sử dụng các công cụ truyền thông hiện đại

- Chiến lược truyền thông:

Một chiến lược truyền thông thích hợp cần được thiết lập và thực hiện để thúc đẩy nhu cầu sử dụng thông tin đất đai của người dân nói chung và người DTTS cũng như nhóm dễ bị tổn thương nói riêng, đồng thời thể hiện sự cam kết mạnh mẽ hơn từ các chính quyền địa phương trong việc giải quyết những hạn chế về cung cấp các dịch vụ thông tin đất đai một cách đầy đủ. Chiến lược truyền thông và Sổ tay thực hiện của dự án VILG cần xem xét nội dung, các yêu cầu của người dân đã được phản ánh trong các cuộc tham vấn cộng đồng địa phương để tránh bỏ qua nhóm dễ bị tổn thương và lợi ích của họ trong dự án. Chiến lược truyền thông cần tạo ra một môi trường đối thoại hai chiều, nghĩa là nó không chỉ là kênh thông tin của dự án đến với cộng đồng, mà còn lắng nghe, phản hồi và đáp ứng các mối quan tâm của cộng đồng. Vì vậy, điều quan trọng là phải thiết kế và thực hiện một chiến lược truyền thông toàn diện để hỗ trợ dự án. Dự thảo chiến lược truyền thông nên tập trung vào các vấn đề sau đây:

- Với bên cung cấp dịch vụ:

✓ Cách thức có được và nâng cao sự cam kết của chính quyền và những cán bộ thực hiện tại trung ương cũng như địa phương đối với việc cải cách hệ thống thông tin đất đai hiện nay. Đây là một quá trình vận động xã hội để xây dựng lòng tin của những người sử dụng đất. Kết quả của quá trình này, các cơ quan quản lý đất đai cần tạo ra một môi trường thuận lợi với sự hỗ trợ của VILG; đảm bảo sự tham gia thường xuyên của người sử dụng

đất thông qua việc đưa ra các câu hỏi và mối quan tâm của họ về quyền lợi của mình về sử dụng đất cũng như tiếp cận với các thông tin đất đai; cung cấp các thông tin đất đai đáng tin cậy tại địa phương. Ngoài ra, các cán bộ địa phương cần nâng cao kỹ năng giao tiếp; biết cách tạo thuận lợi và tạo diễn đàn cho sự tham gia của cộng đồng trong việc phản hồi trong quá trình thực hiện dự án VILG.

✓ Cách thức xây dựng nền tảng cho sự tham gia của cộng đồng trong việc thảo luận và đối thoại với các cán bộ quản lý đất đai về các vấn đề khác nhau, bao gồm cả mối quan tâm và yêu cầu hiểu biết về quyền sử dụng đất của họ, cũng như kết quả về thông tin đất đai mà người dân có được từ hệ thống thông tin của dự án;

✓ Cách thức xây dựng nền tảng truyền thông ở các cấp độ khác nhau (ví dụ phiếu báo cáo của người dân, các cuộc họp thôn ...) để nhận được các thông tin phản hồi về hoạt động của bên cung cấp và khả năng của các bên này để đối phó với sự gia tăng nhu cầu đối với dịch vụ thông tin đất đai, đây cũng là một kết quả của dự án VILG. Các thủ tục về cơ chế phản hồi này cần phải rõ ràng và minh bạch, đặc biệt là đối với nhóm dễ bị tổn thương. Ví dụ như các việc liên quan đến các kênh tiếp nhận thông tin phản hồi và những bên liên quan phải chịu trách nhiệm giải quyết các ý kiến phản hồi và khoảng thời gian xử lý. Hướng dẫn kịp thời và đáp ứng những quan tâm và kiến nghị người sử dụng đất phải được cung cấp thông qua các nền tảng chiến lược truyền thông và quá trình theo dõi.

- Với bên cầu:

✓ Làm thế nào để nâng cao nhu cầu và sau đó duy trì cách thức sử dụng dịch vụ thông tin đất đai, đặc biệt là nhóm dễ bị tổn thương.

✓ Làm thế nào để tạo ra sự thay đổi trong hành vi giao tiếp, đặc biệt là giữa các nhóm dân tộc thiểu số khác nhau trong địa bàn dự án. Chiến lược truyền thông và tài liệu nên được thiết kế có tính đến sự khác biệt văn hoá trong hành vi giữa các nhóm người dân tộc khác nhau và thay đổi phù hợp với các hành vi này.

✓ Làm thế nào để điều chỉnh các hoạt động và các buổi tuyên truyền tại địa phương về thông tin đất đai trong chiến dịch truyền thông để giải quyết các nhu cầu cụ thể của các nhóm dân tộc thiểu số khác nhau về ngôn ngữ và văn hoá có liên quan. Chiến lược nên bao gồm sự khác nhau về phổ biến thông tin giữa các nhóm dân tộc khác nhau và tận dụng cấu trúc, cơ chế truyền thông đáng tin cậy và các tổ chức chính thức và không chính thức của người dân tộc thiểu số thuộc khu vực dự án để phổ biến, cho phép hỗ trợ và tư vấn cho những người dân tộc thiểu số về sử dụng đất, bằng ngôn ngữ của họ và theo cách phù hợp với văn hoá của họ. Các cán bộ địa phương sẽ được khuyến khích tích cực hỗ trợ nhóm khó tiếp cận.

✓ Có cơ chế giải quyết các vướng mắc, rào cản và những khó khăn gây ra bởi tập quán và tín ngưỡng văn hoá của người DTTS và trả lời những thắc mắc của các bên liên quan.

- Truyền thông tiếp cận cộng đồng:

Các tài liệu truyền thông phù hợp để phổ biến: xây dựng và phổ biến một bộ trọn gói các tài liệu in ấn và nghe nhìn (tập tài liệu, tờ rơi, áp phích, phim tài liệu ngắn, chương trình đào tạo, quảng cáo trên tivi, radio... với các biểu tượng có liên quan, các thông điệp và các khẩu hiệu) cho các nhóm mục tiêu của chiến lược truyền thông, điều này là cần thiết để đảm bảo các thông điệp và kiến thức chính sẽ được chuyển giao cho các bên liên quan của dự án VILG, bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương. Công việc này sẽ góp phần nâng cao

nhận thức cho người sử dụng đất, thay đổi thái độ và hành vi của họ trong việc tìm kiếm thông tin đất đai và về lâu dài góp phần thay đổi và duy trì các hành vi được khuyến khích theo dự án. Các thiết kế của tài liệu nên phù hợp (về mặt xã hội và văn hoá đều được chấp nhận) cho các nhóm đối tượng dựa trên tiêu chuẩn về xây dựng tài liệu truyền thông (rõ ràng, súc tích, trình bày đẹp và đầy đủ các nội dung...). Tài liệu cần phải được xây dựng một cách cẩn thận để phổ biến thông tin một cách hiệu quả cho các gia đình trí thức, các gia đình lao động và gia đình dân tộc mà tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai, do đó cần sử dụng ngôn ngữ phi kỹ thuật cộng với các hình vẽ minh họa ở những chỗ có thể là rất quan trọng. Những tài liệu này nên được thử nghiệm với một số cộng đồng được lựa chọn tại một số tỉnh của dự án để đánh giá tính toàn diện và hiệu quả nhất có thể. Cuối cùng nhưng cũng không kém quan trọng là phải tiến hành định hướng, đào tạo cho các bên liên quan như đã được xác định trong chiến lược truyền thông về cách sử dụng các tài liệu truyền thông một cách hiệu quả.

Chiến dịch truyền thông: Các chiến dịch truyền thông đại chúng cũng có thể thích hợp để phổ biến thông tin một chiều. Trọng tâm của chiến dịch nên chủ yếu tập trung vào thông tin ở các khu vực cụ thể, mà có thể được phát sóng trên đài truyền hình và đài phát thanh địa phương. Việc sử dụng các loa phóng thanh xã có thể là một phương tiện hiệu quả để truyền đạt được đến một số lượng lớn người dân với một chi phí tương đối thấp, nhưng cũng phải nhận thấy rằng thông tin truyền thông qua các phương tiện này không phải lúc nào cũng lưu lại và không thể được sử dụng trong các khu vực nơi người dân sống một cách rải rác. Một cách thích hợp, sử dụng một số các đoạn hát, tiểu phẩm hay các khẩu hiệu dễ nhớ có thể giải quyết được vấn đề này ở một mức độ nào đó. Cung cấp thông tin công khai về bản đồ, quy hoạch và thủ tục (theo cách thức dễ tiếp cận) ở cả cấp huyện và cấp xã cũng có thể hữu ích. Trước khi triển khai MPLIS, các chiến dịch truyền thông cần được triển khai với nội dung về lợi ích cơ bản và kiến thức về việc làm thế nào để truy cập và sử dụng thông tin đất đai của MPLIS và các loại lệ phí liên quan (nếu có). Những chiến dịch này nên được thực hiện thông qua các cuộc họp, phương tiện truyền thông đại chúng và phổ biến tài liệu IEC được in ấn hoặc tài liệu nghe nhìn, tùy thuộc vào bối cảnh xã hội của địa phương cụ thể.

Sự tham gia của các đầu mối thông tin địa phương: Chính quyền địa phương được khuyến khích tham gia và phát huy vai trò của cán bộ thôn, đặc biệt là những người từ các tổ chức đoàn thể cộng đồng, công đoàn. Đầu mối thông tin liên lạc nên là trưởng thôn/bản, vì nhiều nghiên cứu đã cho thấy vai trò của họ rất quan trọng và hiệu quả trong thực hiện truyền thông. Các cá nhân và tổ chức này chủ yếu là người dân tộc thiểu số đang sinh sống trong khu vực; do vậy, họ sẽ rất tích cực trong việc truyền, phổ biến chính sách, chương trình đến người dân địa phương có liên quan. Mỗi địa phương sẽ quyết định về các đầu mối thông tin liên quan và hiệu quả nhất phù hợp với bối cảnh hiện tại của địa phương mình.

Tư vấn: Đánh giá chỉ ra rằng nhiều người trả lời không biết về pháp luật đất đai và làm thế nào áp dụng được nó trong thực tế (giải thích pháp luật). Vì vậy, có thể cần thiết phải có tư vấn hỗ trợ song song với MPLIS trong một số cộng đồng.

Thường xuyên tổ chức các cuộc họp địa phương: các cuộc họp tại phường, xã thường xuyên bao gồm cả các phiên chất vấn và trả lời định kỳ có thể là một trong những cách làm hiệu quả nhất để hỗ trợ các cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động dự án, nhận và phản hồi ý kiến của họ. Tại các khu vực đô thị, điều này cũng sẽ cung cấp cho người dân có cơ hội để tham gia chặt chẽ hơn với các cán bộ quản lý đất đai của địa phương so với hiện tại. Tuy nhiên, thông tin cho người nghèo cần được cung cấp thông qua việc đến thăm nhà của họ hoặc một cuộc họp với người nghèo vì họ thường không tham dự các cuộc

hợp phổ biến.

Công cụ hiện đại: Ban quản lý dự án tỉnh sẽ biên soạn nội dung truyền thông và sử dụng công cụ truyền thông nghe nhìn dễ hiểu như đĩa DVD với phần tiếng Việt và một số nội dung dự án VILG dịch sang tiếng các DTTS (nếu phù hợp) sẽ được chuẩn bị để sử dụng trong quá trình hoạt động tại địa phương dựa trên các đề xuất của nhóm tham gia cộng đồng cấp huyện. Cách tiếp cận và sử dụng MPLIS và các dịch vụ của văn phòng đăng ký đất là một số nội dung được giới thiệu trong công cụ truyền thông này. Công cụ truyền thông này sẽ được lưu giữ tại các trung tâm văn hóa và UBND xã để có thể dùng diễn giải về Dự án VILG và việc quản lý/tiếp cận thông tin đất đai.

Thiết bị hiện đại: Ban quản lý dự án tỉnh có thể xem xét trang bị máy tính tại xã, ấp để người DTTS có thể truy cập thông tin dễ dàng, thuận tiện (cần có đào tạo và hướng dẫn). Ban quản lý dự án tỉnh tăng cường tiếp cận và chia sẻ thông tin đất đai cho người DTTS.

Hoạt động 3: Đào tạo cho các trưởng thôn, bản, ấp, già làng, người có uy tín trong cộng đồng

Nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng thuyết trình để tuyên truyền, vận dụng sáng tạo kiến thức, kỹ năng điều hành, xử lý các công việc phát sinh trong cộng đồng DTTS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của các Trưởng thôn, bản, ấp ... vận động các hộ đồng bào DTTS tích cực tham gia, hưởng ứng thực hiện hiệu quả mục tiêu của dự án, Ban QLDA cấp tỉnh phối hợp với Ban QLDA cấp TW tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn cho các đối tượng là Trưởng thôn, bản, ấp, già làng, người có uy tín,... để họ có thể hỗ trợ trong suốt quá trình thực hiện Dự án. Các khóa đào tạo, tập huấn cần được thực hiện càng sớm càng tốt và trong suốt quá trình dự án.

Hoạt động 4: Tổ chức họp dân ở các thôn, bản, ấp... và các xã

Tại các ấp, xã có đồng đồng bào DTTS, Ban quản lý dự án tỉnh, Nhóm tham vấn cộng đồng cấp huyện sẽ tổ chức nhiều cuộc họp ở từng xã, ấp với người DTTS tại địa phương để trả lời các câu hỏi và mối quan tâm của họ (có phiên dịch sang tiếng dân tộc (nếu cần)). Các hoạt động này sẽ được bắt đầu trước khi triển khai dự án và sẽ được duy trì trong suốt chu trình dự án.

Trong các cuộc họp với người DTTS này, các kênh và cách truy cập các thông tin, tài liệu về đất đai, các chính sách ưu đãi các chính sách phản hồi thông tin cũng sẽ được giới thiệu.

Ban quản lý dự án tỉnh kết hợp với cơ quan truyền thông đại chúng (đài phát thanh, truyền hình, báo địa phương) tuyên truyền, phổ biến các thông tin này trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh và các địa phương.

Tài liệu để phục vụ cho các cuộc họp dân, tham vấn lấy ý kiến ở cấp xã do Văn phòng Ban quản lý dự án tỉnh cung cấp trên cơ sở sử dụng các mẫu, các văn bản pháp luật hoặc những tài liệu tuyên truyền do Ban quản lý dự án cấp Trung ương biên soạn. Tất cả các tài liệu thông tin được thực hiện một cách đơn giản, thông điệp và hình ảnh rõ ràng. Trong điều kiện kinh phí dự án cho phép, một số nội dung quan trọng sẽ được biên dịch sang ngôn ngữ dân tộc thiểu số (nếu cần) để phổ biến trong cộng đồng người dân tộc tại địa phương.

Hoạt động 5: Đào tạo cán bộ quản lý đất đai

Nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm và kỹ năng của các cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về đất đai tại các địa phương (Văn phòng đăng ký đất đai), đảm bảo việc giải

quyết các thủ tục hành chính về đất đai khi đồng bào DTTS có nhu cầu cần thực hiện.

Tổ chức Hội thảo định hướng cho các cán bộ quản lý đất đai trong việc tiếp cận với người dân tộc thiểu số. Trong đó, đặc biệt quan tâm đến: (1) nhu cầu đặc biệt của cộng đồng DTTS, và (2) tầm quan trọng về vai trò, trách nhiệm của các cán bộ thực thi công vụ trong chiến lược, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội khu vực DTTS. Nâng cao chất lượng phục vụ của các cán bộ làm công tác trong việc cung cấp dịch vụ thông tin về đất và thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai.

Hoạt động 6: Thiết lập dịch vụ hỗ trợ tiếp cận thông tin đất đai và đăng ký đất đai ở các cộng đồng nơi có các nhóm dân tộc thiểu số sinh sống

Các chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai sẽ thực hiện dịch vụ hỗ trợ tiếp cận thông tin đất đai và đăng ký đất cho các nhóm dân tộc thiểu số tại các vùng sâu, xa thông qua hình thức cử cán bộ làm việc định kỳ trực tiếp tại UBND xã những nơi này, đồng thời tập huấn cán bộ cấp xã thực hiện việc tra cứu, hỗ trợ tiếp nhận và sử dụng hệ thống thông tin đất đai qua mạng Internet để cung cấp thông tin đất đai cho các nhóm dân tộc thiểu số và xác nhận các hợp đồng giao dịch về đất đai.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai sẽ tham vấn với chính quyền xã, ấp và nhóm tham gia cộng đồng cấp xã để xây dựng kế hoạch, lịch làm việc trực tiếp định kỳ phù hợp với điều kiện của đồng bào dân tộc tại địa phương. Chính quyền xã, thôn sẽ thông báo rộng rãi các kế hoạch và lịch làm việc này để mọi người dân được biết và sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu.

Dự án sẽ thúc đẩy hoạt động của các tổ chức đoàn thể địa phương, chẳng hạn như Hội thanh niên và các đoàn thể phụ nữ và các tổ chức xã hội dân sự. Các tổ chức này có thể tăng thêm nỗ lực về thông tin minh bạch trong cộng đồng DTTS thông qua việc áp dụng quy trình lập kế hoạch có nhiều sự tham gia và phát triển năng lực. Đặc biệt, cần khuyến khích tuyển dụng các cán bộ hỗ trợ địa phương từ các tổ chức đoàn thể địa phương, đặc biệt là Hội phụ nữ

Các thủ tục mà người dân cần thực hiện để cấp Giấy chứng nhận sẽ được thiết lập tại các xã, đồng thời các thủ tục khác liên quan đến đất đai cũng được thực hiện tại xã. Công chức địa chính cấp xã sẽ hỗ trợ cho bà con để không gây phiền hà. Các mẫu thông tin liên quan đến cấp giấy chứng nhận sẽ được công bố tại các UBND xã, thôn (nhà văn hóa hay nơi dân bản thường tập trung, lui tới).

Hoạt động 7: Cung cấp thông tin về cơ chế giải quyết tranh chấp

Cán bộ địa chính địa phương sẽ được lưu ý tại các khóa đào tạo của Dự án rằng bất cứ vấn đề về đất đai nào liên quan đến cộng đồng người dân tộc thiểu số phải được báo cáo cho Ban quản lý dự án tỉnh bất kể phương án hòa giải tại địa phương có thành công hay không.

Cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp và tiếp nhận, theo dõi tiến độ giải quyết được thực hiện đúng hướng dẫn tại Sổ tay hướng dẫn dự án và hướng dẫn của Ban quản lý dự án cấp trung ương.

Để hỗ trợ cho cơ chế này, Ban quản lý dự án VILG tỉnh sẽ thực hiện chỉ định cán bộ trực tiếp tiếp nhận và theo dõi, đôn đốc các đơn có liên quan giải quyết và thông báo kết quả giải quyết, khắc phục.

Để giảm thiểu các tranh chấp, khiếu nại phát sinh phải sử dụng tới hệ thống giải

quyết chính thức của Nhà nước, dự án sẽ xây dựng một kênh tiếp nhận thông tin khiếu nại, tranh chấp đất đai thứ hai sau kênh tiếp nhận thông tin khiếu nại, tranh chấp đất đai chính thức, khuyến khích các nhóm dân tộc giải quyết các vấn đề thông qua các thiết chế phi chính thức nhưng hiệu quả tại cộng đồng, như mạng lưới trường thôn, ấp, bản... Cụ thể, mỗi xã, thôn sẽ thành lập tổ hòa giải để giúp UBND xã hoà giải các tranh chấp khi xảy ra. Sẽ huy động sự tham gia của sự cả vào các tổ, ban hòa giải nhằm tăng cường hiệu quả trong giải quyết triệt để tranh chấp. Việc chỉ định một cán bộ theo dõi hoạt động giải quyết tranh chấp, khiếu nại tại cấp xã, huyện và tỉnh cũng như tập huấn nâng cao kỹ năng giải quyết tranh chấp của các cán bộ địa chính và tổ hòa giải ở thôn sẽ là những hoạt động được duy trì trong suốt quá trình thực hiện dự án.

Hoạt động 8: Công tác theo dõi, đánh giá

Hệ thống giám sát Dự án được thiết kế để khảo sát mức độ chấp nhận, mức độ hài lòng của cộng đồng đối với các dịch vụ quản lý đất đai ở các huyện tham gia dự án, kể cả đối với người Kinh và không phải người Kinh.

Giám sát nội bộ của Ban VILG cấp TW và Đoàn giám sát của Ngân hàng thế giới sẽ được thực hiện tại các huyện có nhiều dân tộc thiểu số với mức độ cao hơn tại các huyện khác. Tương tự, việc giám sát tại các xã có cộng đồng người dân tộc thiểu số cũng sẽ được thực hiện riêng với mức độ cao hơn tại các xã khác. Vào năm thứ tư, Dự án sẽ tiến hành một đánh giá tác động liên quan đến các rủi ro đã xác định ở trên đối với quá trình triển khai Dự án tại các địa phương có nhiều dân tộc thiểu số.

Ngoài ra, Ban VILG cấp tỉnh phối hợp với UBND các huyện để tổ chức các Hội thảo để đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Ban Quản lý dự án Trung ương có trách nhiệm tập huấn, hướng dẫn tổ chức triển khai và kiểm tra việc tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển dân tộc tại địa phương theo Khung phát triển dân tộc của toàn dự án và theo Sổ tay hướng dẫn của dự án.

- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phê duyệt Kế hoạch phát triển DTTS của tỉnh, chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Kế hoạch và cấp đủ kinh phí để thực hiện Kế hoạch.

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Dự án VILG tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch Phát triển Dân tộc thiểu số theo hướng dẫn được nêu trong Sổ tay hướng dẫn thực hiện Dự án.

- Ban Quản lý Dự án VILG tỉnh phân công một cán bộ chịu trách nhiệm làm đầu mối về các vấn đề xã hội. Cán bộ này có nhiệm vụ đôn đốc Nhóm thực hiện Dự án cấp huyện thực hiện đầy đủ các hoạt động trong khuôn khổ Kế hoạch này và giám sát nội bộ, lập báo cáo giám sát nội bộ 6 tháng 1 lần để trình NHTG xem xét.

- Đại diện Ban Dân tộc tỉnh/huyện, Nhóm tham vấn cộng đồng cấp huyện, công chức địa chính phường, xã có trách nhiệm phối hợp với Ban quản lý dự án VILG cấp tỉnh tổ chức các cuộc họp dân lấy ý kiến cộng đồng; đánh giá, tham vấn những vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án và các vấn đề về người dân tộc thiểu số; giám sát mức độ chấp nhận, mức độ hài lòng của cộng đồng đối với các dịch vụ quản lý/tiếp

cận thông tin đất đai ở các huyện tham gia dự án, kể cả đối với các nhóm dân trên địa bàn, gồm cả nhóm dân tộc đa số và thiểu số.

- Cộng đồng, đồng bào dân tộc thiểu số có trách nhiệm phản ánh về tình hình triển khai dự án tại cộng đồng, những hoạt động của dự án có tác động và ảnh hưởng không tích cực đến quyền và lợi ích của cộng đồng.

- Các báo cáo định kỳ của Ban quản lý dự án VILG tỉnh (6 tháng) sẽ bao gồm báo cáo về tình hình triển khai Kế hoạch Phát triển dân tộc thiểu số tại tỉnh, trong đó nêu rõ các hoạt động đã được triển khai liên quan đến kế hoạch này tại các địa bàn của dự án; các ý kiến phản hồi của người dân tộc thiểu số liên quan đến các hoạt động của dự án tại tỉnh và kế hoạch triển khai các hoạt động tiếp theo, báo cáo về Ban quản lý dự án VILG cấp Trung ương.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các thành viên phản ánh kịp thời về Ban quản lý, Ban chỉ đạo dự án VILG tỉnh để có biện pháp giải quyết kịp thời.

VI. PHỔ BIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ

6.1. Công khai Kế hoạch DTTS

Ban QLDA tỉnh đã phổ biến Khung chính sách phát triển DTTS của dự án trong các buổi tập huấn kỹ thuật, tham vấn với cộng đồng DTTS và đăng tải trên trang web của địa phương.

Dự thảo Kế hoạch phát triển DTTS đã được tham vấn với chính quyền địa phương và cộng đồng DTTS trước khi trình WB phê duyệt. Kế hoạch phát triển DTTS được phê duyệt sẽ được công bố cho cộng đồng dân tộc thiểu số vùng dự án theo ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu thông qua các cuộc họp thôn/bản và lưu giữ ở UBND xã, nhà văn hóa cộng đồng đảm bảo những người dân tộc thiểu số vùng dự án, bao gồm hộ bị ảnh hưởng, hộ hưởng lợi và cộng đồng của họ có thể tiếp cận một cách thuận lợi và có thể hiểu hết được Kế hoạch đó. Kế hoạch phát triển DTTS được duyệt cũng sẽ được công bố trên trang web của NHTG.

Trong quá trình thực hiện dự án, nếu có các hoạt động phát sinh dẫn đến phát sinh các tác động, kế hoạch phát triển DTTS sẽ được cập nhật. Bản cập nhật sẽ được gửi WB xem xét và được công bố tới cộng đồng DTTS vùng dự án.

6.2 Đảm bảo sự tham gia Kế hoạch DTTS

Nhằm đảm bảo việc tham gia của người dân tộc thiểu số trong suốt quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án, việc tham vấn cần được tiến hành một cách tự do, cung cấp đầy đủ thông tin trước khi thực hiện các hoạt động. BQLDA tỉnh đã tiến hành các cuộc họp tham vấn với cộng đồng dân tộc thiểu số, bao gồm hộ hưởng lợi và hộ bị ảnh hưởng để đánh giá nhu cầu của cộng đồng về sử dụng các dịch vụ cung cấp thông tin đất đai, đảm bảo rằng những phản ánh từ phía cộng đồng DTTS địa phương sẽ được ghi nhận và xem xét trong quá trình thiết kế và thực hiện dự án.

Các cuộc tham vấn cộng đồng thông qua họp dân, phỏng vấn các cá nhân và thảo luận nhóm đã được thực hiện. Người dân ở các thôn vùng dự án, bao gồm cả hộ

bị ảnh hưởng đều tham gia thảo luận và chia sẻ thông tin. Phụ nữ, người dễ bị tổn thương và thanh niên được mời tham gia và khuyến khích đóng góp ý kiến. Các nhóm dân tộc thiểu số ở các xã vùng dự án đều được tham vấn. Các tổ chức đại diện của họ như Hội Phụ nữ, Hợp tác xã, Hội nông dân, Đoàn Thanh niên cấp xã và cấp thôn cũng được tham vấn.

Các cuộc tham vấn cộng đồng DTTS được thực hiện cho tất cả các xã vùng dự án có DTTS, đã đề cập các nội dung sau: a) những tác động tích cực và tiêu cực của dự án đối với hộ gia đình và cộng đồng, b) trên cơ sở các tác động tiêu cực, thảo luận với cộng đồng các biện pháp tránh hoặc giảm thiểu, và c) cơ hội kinh tế - xã hội mà dự án sẽ đem lại cho các hộ/cộng đồng DTTS.

Các cuộc họp tham vấn cũng đã được tổ chức với sự tham dự của đầy đủ các bên liên quan đến dự án bao gồm Ban Dân tộc tỉnh, đại diện các phòng ban của huyện, bao gồm phòng dân tộc, Phòng đăng ký đất đai, hội phụ nữ, đại diện đoàn thể các xã vùng dự án có DTTS để tìm hiểu, trao đổi với Ban Dân tộc tỉnh, phòng dân tộc các huyện của dự án một số chính sách đã ban hành cho người DTTS và các chương trình đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh, huyện xã vùng dự án liên quan đến sử dụng đất.

Cơ chế tham vấn và tham gia của người DTTS trong quá trình thực hiện dự án: tham vấn trước, tự do không ép buộc và cung cấp đầy đủ thông tin dẫn đến sự đồng thuận rộng rãi của cộng đồng DTTS đối với các hoạt động của dự án cần được thực hiện suốt quá trình thực hiện dự án và được ghi lại bằng biên bản. Các ý kiến phản hồi của cộng đồng cần được xem xét đưa vào dự án. Các phương pháp tham vấn và tham gia có thể sử dụng như thảo luận nhóm, phỏng vấn người chủ chốt, người có uy tín trong cộng đồng, trình diễn mô hình. Phương pháp tham vấn và sự tham gia của cộng đồng DTTS cần đảm bảo phù hợp với văn hóa của họ và đảm bảo các yếu tố về giới, liên thế hệ và bao gồm cả nhóm dễ bị tổn thương.

VII. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Cơ chế giải quyết khiếu nại được thiết lập cho Dự án này là cơ chế hai cấp: cấp cộng đồng và cấp chính quyền. Tại mỗi xã dự án, một Ban hòa giải sẽ được thành lập để tiếp nhận và giải quyết những thắc mắc hay tranh chấp của người dân bằng biện pháp hòa giải theo thể thức truyền thống. Nếu các khiếu nại không thể giải quyết ở cấp cộng đồng thì sẽ được gửi lên cấp chính quyền thông qua bộ phận một cửa ở cấp xã, huyện và tỉnh và cuối cùng là cấp tòa án.

Cán bộ xã hội của Ban QLDA tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận khiếu nại của người dân (nếu có) và làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết và theo dõi quá trình giải quyết cho đến khi kết thúc. Kết quả giải quyết cần được thông báo kịp thời bằng văn bản đến người có khiếu nại. Khiếu nại và kết quả giải quyết khiếu nại cần được báo cáo cụ thể trong các báo cáo về thực hiện EMDP cho Ban QLDA Trung ương và cho Ngân Hàng Thế giới.

VIII. KINH PHÍ DỰ KIẾN

Chi phí ước tính để thực hiện Kế hoạch Phát triển dân tộc thiểu số này bao gồm các chi phí cho những hoạt động liên quan đến dân tộc thiểu số. Kinh phí này được tính vào nguồn kinh phí thực hiện dự án.

Tổng kinh phí dự kiến là **461.460.000 đồng**. (Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn), tương đương 20.000 USD (quy đổi 1USD = 23.073 đồng) (Tỷ giá ngân hàng nhà nước ngày 31/7/2019) (theo Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh kế hoạch tổng thể thực hiện, kế hoạch thực hiện năm 2020 Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” thực hiện tại tỉnh Phú Yên), kèm theo dự toán:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (USD)	Thành tiền (USD)
Tổng cộng					20.000
Hoạt động 1:	Nhóm tham vấn cộng đồng và tổ chức hội thảo (3 lần/2năm)				1.800
-	Thù lao cho Nhóm tham vấn cộng đồng (Cán bộ cơ quan tài nguyên môi trường, cơ quan quản lý công tác dân tộc địa phương, cơ quan văn hóa địa phương, đại diện cộng đồng dân tộc thiểu số,....)				Làm việc và hưởng lương theo chế độ kiêm nhiệm
-	Chi khác (đi lại, in ấn, ...)				1.800
Hoạt động 2:	Sử dụng các công cụ truyền thông hiện đại và hiệu quả				Lồng ghép vào tiêu HP 1.3 HPI
-	Xây dựng nội dung truyền thông (dưới hình thức nghe nhìn DVD)				
-	Phát sóng và in DVD				
Hoạt động 3:	Đào tạo cho trưởng thôn, xóm, bản Tổ chức hội nghị để đào tạo cho các trưởng thôn, xóm, bản	Hội nghị	9	500	4.500
Hoạt động 4	Tổ chức họp dân ở các thôn, bản và xã (39 cuộc/2 năm)	Cuộc họp	39	300	11.700

Hoạt động 5	Đào tạo cán bộ quản lý đất đai (Tổ chức hội thảo định hướng cho các cán bộ quản lý đất đai trong việc tiếp cận với người dân tộc) (2 Hội nghị/tỉnh)				Lồng ghép vào các chương trình đào tạo của dự án và các chương trình khác của TW và địa phương
Hoạt động 6	Thiết lập dịch vụ hỗ trợ tiếp cận thông tin đất đai và đăng ký đất ở các cộng đồng nơi có các nhóm dân tộc thiểu số sinh sống.				Kinh phí từ nguồn chi hoạt động thường xuyên của VPĐKĐĐ
-	Kinh phí hỗ trợ cho VPĐKĐĐ tổ chức thực hiện dịch vụ hỗ trợ tiếp cận thông tin đất đai và đăng ký đất cho các nhóm dân tộc thiểu số tại các vùng sâu, vùng xa				
-	Văn phòng đăng ký đất đai tập huấn cán bộ cấp xã hỗ trợ tiếp cận và sử dụng hệ thống thông tin đất đai qua mạng Internet				
Hoạt động 7	Ban hòa giải cộng đồng				2.000
-	Tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao kỹ năng giải quyết tranh chấp của các cán bộ địa chính và tổ hòa giải ở thôn	Hội nghị	2	1.000	2.000
Hoạt động 8	Công tác theo dõi, đánh giá				
-	Theo dõi, đánh giá liên quan đến các hoạt động của dự án tại các địa bàn trong tỉnh theo nhóm dân tộc, trình trạng nghèo/cận nghèo/không nghèo và giới tính.				Lồng ghép vào tiểu HP3

IX. TỔ CHỨC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

Ban quản lý dự án VILG cấp tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện chung và giám sát nội

bộ kế hoạch phát triển DTTS. Báo cáo giám sát sẽ được trình lên Ngân hàng Thế giới để xem xét và có ý kiến. Hoạt động giám sát, đánh giá cần phải được tiến hành một năm hai lần trong quá trình thực hiện dự án để xác định đúng lúc các vấn đề mà có thể cần có hành động ngay từ phía Ban quản lý dự án VILG cấp tỉnh.

Các hoạt động giám sát, đánh giá gồm:

BẢNG 1: TIÊU CHÍ THỰC HIỆN GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Hoạt động giám sát và đánh giá	Các chỉ số cơ bản
1. Tiến độ thực hiện EMDP	<ul style="list-style-type: none"> • Bản kế hoạch phải được chia sẻ đến cộng đồng; • Kế hoạch phải đáp ứng nhu cầu của người DTTS; • Nguồn nhân lực đầy đủ để thực hiện kế hoạch.
2. Thực hiện tham vấn cộng đồng và sự tham gia của người dân địa phương	<ul style="list-style-type: none"> • Cộng đồng DTTS, chính quyền xã, lãnh đạo thôn, bản, ấp... và các tổ chức quần chúng tại địa phương sẽ được cung cấp đầy đủ thông tin về EMDP và cơ chế khiếu nại. • Cộng đồng DTTS, đại diện các thôn, bản, ấp... và các tổ chức đoàn thể địa phương phải được tham vào hoạt động giám sát việc thực hiện EMDP.
3. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tiềm ẩn	<ul style="list-style-type: none"> • Toàn bộ biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực từ Dự án phải được thực hiện một cách hiệu quả.
4. Thực hiện các can thiệp phát triển cụ thể đối với cộng đồng DTTS địa phương	<ul style="list-style-type: none"> • Toàn bộ các hoạt động hỗ trợ đào tạo phải được thực hiện một cách hiệu quả.
5. Cơ chế khiếu nại/khiếu kiện	<ul style="list-style-type: none"> • Cộng đồng DTTS hiểu rõ về cơ chế khiếu nại/khiếu kiện và các tài liệu tổ chức liên quan và loại báo cáo, và các giải pháp đạt được.

PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH THAM DỰ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

TT	Họ và tên	Địa chỉ/Đơn vị công tác	Nam	Nữ
I. Huyện Sơn Hoà				
Xã Suối Trai				
1	Rchăm Y Rin (Ma Hiên)	Thôn Thống Nhất	X	
2	Lê Mô Y Lút	Thôn Thống Nhất	X	
3	Kpã Y Viêng (Ma Ping)	Thôn Xây Dựng	X	
4	Kpã Y Luân	Thôn Xây Dựng	X	
5	KSô Y Thái (Ma Hoan)	Thôn Hoàn Thành	X	
6	Y Neng	Thôn Hoàn Thành	X	
Tổng số:			06	0
II. Huyện Sông Hình				
Xã Ealy				
1	Nguyễn Sửu	Trưởng thôn Tân Uyên	X	
2	Chu Văn Thảo	Trưởng thôn Tân Lập	X	
3	Bàn Nguyên Thành	Trưởng thôn Tân Bình	X	
4	Hoàng Văn Tùng	Trưởng thôn Tân Sơn	X	
5	Võ Thị Mận	Trưởng thôn 2/4		X
6	Ma Hương	Trưởng Buôn Zô	X	
7	Mí Cách	Người có uy tín Buôn Zô		X
8	Hứa Văn Thấy	Già làng thôn Tân Lập	X	
Tổng số:			06	02
III. Huyện Đông Xuân				
Xã Xuân Phước				
1	Lê Mo Nô	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn Suối Mây	X	
2	La Lan Lân	Phó trưởng thôn Suối Mây	X	
3	Lê Mo Y Ba	Trưởng Ban công tác mặt trận thôn Suối Mây	X	
4	Sô Thị Chung	Chi hội phụ nữ thôn Suối Mây		X
5	La Lan Vành	Chi hội nông dân thôn Suối Mây	X	
6	La Mo Điều	Chi hội CCB thôn Suối Mây	X	
7	Lê Mo Thị Nga	Chi đoàn thanh niên thôn Suối Mây		X
Tổng			05	02
IV Huyện Tây Hoà				
1. Xã Sơn Thành Tây				
1	Lê Thanh Đoạt	Trưởng thôn Lạc Đạo	X	
2	Nguyễn Ngọc Lý	TBCTMT thôn Lạc Đạo	X	
3	Liễu Thị Vườn	CHT Phụ nữ thôn Lạc Đạo		X
4	Hoàng Văn Nhiều	CHT chữ thập đỏ	X	
5	Liễu Mạnh Nghĩa	Người uy tín thôn Lạc Đạo	X	
6	Lê Thanh Đoạt	Trưởng thôn Lạc Đạo	X	
Tổng:			05	01

2. Xã Sơn Thành Đông				
1	Huỳnh Thị Vi	UBND xã Sơn Thành Đông		X
2	Huỳnh Ngọc Trí	Trưởng thôn Thân Bình Đông	X	
3	Nguyễn Thị Tú Trinh	Trưởng thôn Phú Thịnh		X
4	Nguyễn Thị Dung	Trưởng thôn Lễ Lộc Bình		X
5	Nguyễn Văn Diệp	Trưởng thôn Lạc Điền	X	
6	Thái Văn Thịnh	Trưởng thôn Bình Thắng	X	
7	Lê Văn Bình	Trưởng thôn Mỹ Bình	X	
8	Đặng Tấn Hàng	Trưởng thôn Thành An	X	
9	Trần Thúy Mỹ	Trưởng thôn Trường Thành		X
Tổng:			05	04
V	Huyện Phú Hoà			
Xã Hoà Hội				
1	Huỳnh Cao Kỳ	Trưởng thôn Phong Hậu	X	
2	Trương Sĩ Bin	BT Chi Đoàn Thôn Phong Hậu	X	
3	Trần Đình Thông	Trưởng thôn Nhất Sơn	X	
4	Y Phước	Trưởng buôn Hồ Hầm	X	
5	Y Khát	BT Chi Đoàn Buôn Hồ Hầm	X	
Tổng:			05	

**PHỤ LỤC 2. DANH SÁCH THAM DỰ THAM VẤN CÁN
BỘ LÀM CÔNG TÁC QUẢN LÝ/CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ**

TT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị công tác	Nam	Nữ
1	Nguyễn Quốc Trường	Doanh nghiệp	X	
2	Phùng Xuân Tạo	Doanh nghiệp	X	
3	Tô Duy Cường	Doanh nghiệp	X	
4	Lê Thị Mỹ Hà	Doanh nghiệp		X
5	Cao Thị Thanh	Doanh nghiệp		X
6	Nguyễn Văn Huế	Doanh nghiệp	X	
7	Đào Thị Chiêu	Doanh nghiệp		X
8	Bùi Văn Dự	PCT UBND xã EaLy	X	
9	Nguyễn Ngọc Hồ	Công chức ĐC-XD xã EaLy	X	
10	Kpã Y Hôn	Chủ tịch UBND xã Suối Trai	X	
11	Đặng Xuân Nhựt	Địa chính xã Suối Trai	X	
12	Nguyễn Ngọc Tuấn	PCT UBND xã Xuân Phước	X	
13	Trương Hồng Liêm	Công chức ĐC-XD-NN và Môi trường xã Xuân Phước	X	
14	Trần Thị Thúy	Phòng TN&MT huyện Sông Hinh		X
15	Phan Thế Lựu	PTP PT phòng TN&MT huyện Sơn Hoà	X	
16	Lê Ngọc Tuấn	CV phòng TN&MT huyện Sơn Hoà	X	
17	Võ Đăng Duy	PTP. phòng TN&MT huyện Phú Hoà	X	
18	Đoàn Hữu Trọng	Cán bộ Địa chính Xã Hòa Hội	X	
19	Lê Thị Thao	CV phòng TN&MT huyện Tây Hoà		X
20	Trần Thanh Minh	Công chức ĐC-XD-NN và Môi trường xã Sơn Thành Tây	X	
21	Lê Thị Nguyệt	CV phòng TN&MT huyện Tuy An		X
22	Đặng Thị Phú	Văn phòng đăng ký đất đai		X
23	Kpá Y Koong	Văn phòng đăng ký đất đai Sơn Hoà	X	
24	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Văn phòng đăng ký đất đai Sông Hinh		X
25	Ngô Thị Cẩm Tú	Văn phòng đăng ký đất đai Đồng Xuân		X
Tổng số			16	09